

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Thị Thu Hiền
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DU LỊCH VỊNH XANH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Bùi Thị Thu Hiền
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ninh Thị Thùy Trang**

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thị Thu Hiền

Mã SV: 1412401236

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh.
 - Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu kế toán năm 2016 phục vụ cho công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh.
 - Địa chỉ: Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoà Bình- Quảng Ninh.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Ninh Thị Thùy Trang

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Bùi Thị Thu Hiền

ThS. Ninh Thị Thùy Trang

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	3
1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:.....	4
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu	5
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	7
1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:.....	7
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	10
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán:	14
1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:	18
1.5.4.1. Kế toán chi phí bán hàng	18
1.5.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:	19
1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính	22
1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác	25
1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	28
1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	31
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DU LỊCH VỊNH XANH	36
2.1. Khái quát chung về Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh	36
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh	36
2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh	37
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh	37

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh	40
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh	44
2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh	44
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	44
2.2.1.2. Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh	52
2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	56
2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh	65
2.2.3. Nội dung kế toán doanh thu khác, chi phí khác hoạt tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh.....	69
2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh.....	69
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DU LỊCH VỊNH XANH.....	80
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh	80
3.1.1. Ưu điểm.....	80
3.1.2 Hạn chế	81
3.1.2.1 Về ứng dụng phần mềm kế toán	81
3.1.2.2 Về công tác theo dõi chi tiết doanh thu và giá vốn hàng bán	81
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	81
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh	81
3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh.....	82
3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán	82
3.4.2 Kiến nghị 2: Hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí.....	84

3.4.3 Kiến nghị 3: Về phương pháp phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	87
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh	88
3.5.1. Về phía Nhà nước.....	88
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	88
KẾT LUẬN	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO	90

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..	10
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	13
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	17
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	18
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp...	21
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	23
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính.....	24
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác	26
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác	27
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	30
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung	31
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái	32
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ	33
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	34
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy.....	35
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh	38
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ cơ cấu bộ máy kế toán của Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh	40
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh	43

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT số HD0001230.....	45
Biểu số 2.2. Phiếu thu 03/12.....	46
Biểu số 2.3. Hóa đơn GTGT số HD0001275.....	48
Biểu 2.4. Giấy báo có của ngân hàng BIDV	49
Biểu số 2.5. Trích sổ Nhật ký chung	50
Biểu số 2.6. Trích Sổ cái TK 511	51
Biểu số 2.7. Sổ cái TK 154.....	53
Biểu số 2.8. Trích sổ Nhật ký chung	54
Biểu số 2.9. Trích sổ cái tài khoản 632.....	55
Biểu số 2.10. Hóa đơn GTGT số HD0000266.....	57
Biểu số 2.11. Phiếu chi số 21/12	58
Biểu số 2.12. Hóa đơn viễn thông	60
Biểu số 2.13. Phiếu chi số 30/12	61
Biểu số 2.14. Trích sổ Nhật ký chung	62
Biểu số 2.15. Trích sổ cái TK641	63
Biểu số 2.16. Trích sổ cái TK642	64
Biểu 2.17. Giấy báo có của ngân hàng BIDV	66
Biểu số 2.18. Trích sổ Nhật ký chung	67
Biểu số 2.19. Trích sổ cái TK515	68
Biểu số 2.20. Phiếu kế toán số 14.....	70
Biểu số 2.21. Phiếu kế toán số 15.....	71
Biểu số 2.22. Phiếu kế toán số 16.....	72
Biểu số 2.24. Phiếu kế toán số 16.....	73
Biểu số 2.25. Phiếu kế toán số 17	74
Biểu số 2.26. Trích sổ nhật ký chung	75
Biểu số 2.27. Trích sổ cái TK 911	76
Biểu số 2.28. Trích sổ cái TK 821	77
Biểu số 2.29. Trích sổ cái TK 421	78
Biểu số 2.30. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	79
Biểu số 3.2 Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	86
Biểu 3.1. Sổ chi tiết bán hàng.....	85

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong hệ thống các công cụ quản lý thì kế toán là một trong những công cụ quản lý hữu hiệu nhất. Nó là nguồn thông tin, số liệu đáng tin cậy để Nhà nước điều hành nền kinh tế, kiểm tra và kiểm soát hoạt động của các ngành, các khu vực.

Trong nền kinh tế hiện nay thì xu hướng tất yếu chung của các nhà đầu tư, các chủ doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ đều hướng tới mục tiêu là đạt được lợi nhuận. Họ rất quan tâm đến kết quả cuối cùng trong một thời gian (tháng, quý, năm) mà họ đã bỏ vốn ra để đầu tư kinh doanh, sản xuất. Điều đó dẫn đến bộ phận kế toán tại doanh nghiệp phải theo dõi sát quá trình mua bán hàng cho đến khi xác định kết quả kinh doanh để hạch toán nhanh chóng, đầy đủ, kịp thời, chính xác. Thực hiện tốt quá trình này sẽ giúp doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh, bù đắp chi phí, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước, đầu tư phát triển, nâng cao đời sống lao động.

Hệ thống kế toán tại các đơn vị đóng vai trò rất quan trọng, đặc biệt đối với các công ty kinh doanh theo lĩnh vực thương mại thì việc mua bán hàng và xác định kết quả kinh doanh mang tính cấp thiết.

Với nhận thức đó, từ những kiến thức chuyên ngành đã học tại trường cùng với sự giúp đỡ của Thạc sỹ Ninh Thị Thùy Trang, kết hợp với việc tìm hiểu thực tế tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh nên em đã quyết định chọn đề tài nghiên cứu “**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh**” làm đề tài khóa luận của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Phạm vi nghiên cứu: Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán
- Phương pháp thống kê và so sánh

5. Kết cấu của khoá luận

Kết cấu của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 03 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

CHƯƠNG 1:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP****1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

**Bán hàng*: là quá trình doanh nghiệp chuyển giao hàng hóa của mình cho khách hàng và khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp.

**Sản phẩm sản xuất*: là sản phẩm tự làm ra để sử dụng, hay để trao đổi trong thương mại

**Sản phẩm tiêu thụ*: là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hoá, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng.

**Doanh thu*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nên sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu không là Doanh thu. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

– *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**Thời điểm ghi nhận doanh thu*: doanh thu được ghi nhận chỉ khi doanh nghiệp được đảm bảo nhận lợi ích kinh tế từ giao dịch.

*Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

- Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất

kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm

+ Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích sinh lời.

+ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: là kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt động tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh.

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:

* *Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:*

– Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”
Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua

+ Doanh nghiệp không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm kê, kiểm soát hàng hóa

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

* *Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Đối với các giao dịch cung cấp dịch vụ chuẩn mực cũng quy định, doanh thu được ghi nhận khi kết quả đã được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh nghiệp được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành và ngày lập Bảng cân đối kế toán trong kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu tương đối chắc chắn

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- + Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

* *Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:
 - + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
 - + Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được bằng tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ mà doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa gia công.
- Đối với hàng hóa bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.
- Ghi chép, phản ánh chính, đầy đủ kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh

- Theo dõi thường xuyên liên tục tình hình biến động tăng giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác của doanh nghiệp
- Mở sổ theo dõi chi tiết chi phí theo từng yếu tố, từng khoản mục, và địa điểm phát sinh chi phí
- Xác định tiêu thức phân bổ và phân bổ chi phí kinh doanh cho hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ và hàng còn lại chưa tiêu thụ trong trường hợp doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài và lượng hàng tồn kho cuối kỳ lớn
- Cung cấp số liệu cho việc kiểm tra phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chi phí của doanh nghiệp
- Cung cấp thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

** Các phương thức tiêu thụ chủ yếu trong các doanh nghiệp*

- Phương thức bán hàng trực tiếp:

Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị mất quyền sở hữu về số hàng này.

- Phương thức gửi hàng đi bán:

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ

- Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đối lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ không tương tự để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng để đối lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ khác theo giá bán chưa có thuế GTGT.

- Phương pháp bán hàng đại lý, ký gửi:

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

- Phương thức tiêu thụ nội bộ:

Là việc mua - bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ giữa đơn vị chính và đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty, tập đoàn, liên hiệp xí nghiệp... Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất, biếu, tặng, trả lương, trả thưởng, xuất dùng cho hoạt động kinh doanh.

* *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, séc thanh toán, séc chuyển khoản...

* *Tài khoản sử dụng:*

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ.

– Nguyên tắc hạch toán: chỉ hạch toán vào tài khoản 511 số Doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ, đã xác định là tiêu thụ. Giá bán được hạch toán là giá bán thực tế, là số tiền ghi trên hóa đơn.

– Kết cấu tài khoản 511

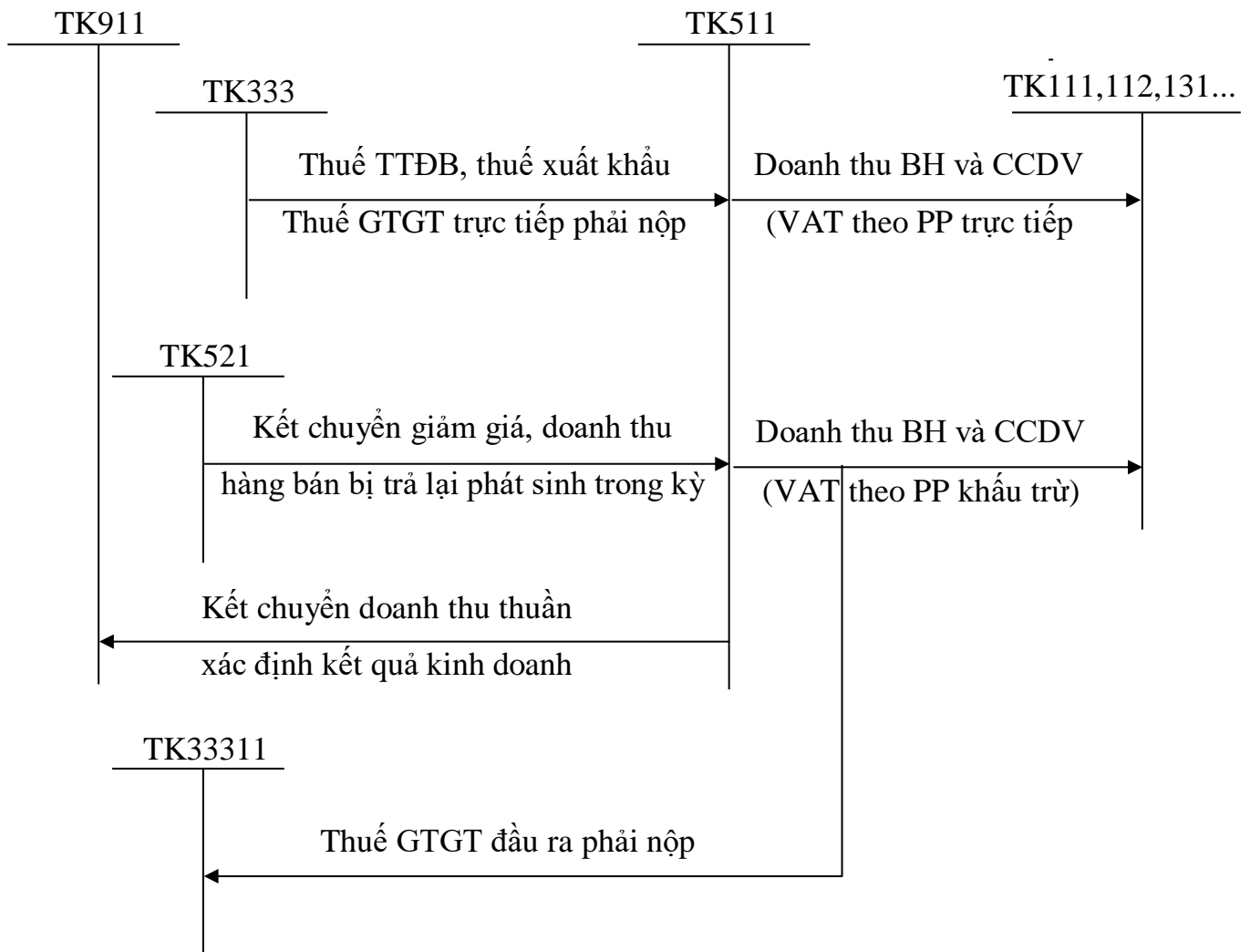
Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> Số thuế phải nộp tính trên doanh số bán hàng trong kỳ (thuế TTĐB, thuế XNK, thuế GTGT theo pp trực tiếp) Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu bán hàng bị trả lại Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911”xác định kết quả kinh doanh” 		<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán Các khoản doanh thu trợ cấp trợ giá, phụ thu mà doanh nghiệp được hưởng

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản cấp 2:

- + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- + TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- + TK 5118: Doanh thu khác

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

* Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan
- Biên bản xác nhận giảm giá hàng bán
- Biên bản xác nhận hàng bán bị trả lại, và các chứng từ khác.

* Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại:

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng mua với số lượng lớn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại mà hai bên đã thống nhất ghi trong hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua, bán.

Nguyên tắc hạch toán:

Chỉ hạch toán vào tài khoản này là chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng mức chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định.

Trường hợp người mua hàng nhiều lần đạt tới số lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thương mại, thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng”

Trường hợp người mua hàng với số lượng lớn đc hưởng CKTM, giá bán phản ánh trên hóa đơn vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ khoản CKTM

Kết cấu TK 5211:

Nợ	TK 5211	Có
<ul style="list-style-type: none"> Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng 		<ul style="list-style-type: none"> Kết chuyển chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán
Tài khoản 5211 không có số dư cuối kỳ		

Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm hàng hóa đã tiêu thụ bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân (kém phẩm chất, quy cách..) được doanh nghiệp chấp nhận.

Nguyên tắc hạch toán tài khoản:

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do hàng bị trả lại, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu trả lại một phần hàng). Và kèm theo chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng bị trả lại trên.

Kết cấu TK 5212:

Nợ	TK 5212	Có
<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa bán ra 		<ul style="list-style-type: none"> Kết chuyển doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại trừ vào doanh thu trong kỳ (TK 511)
TK 5212 không có số dư cuối kỳ		

Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ hạch toán được người bán chấp nhận trên giá thỏa thuận.

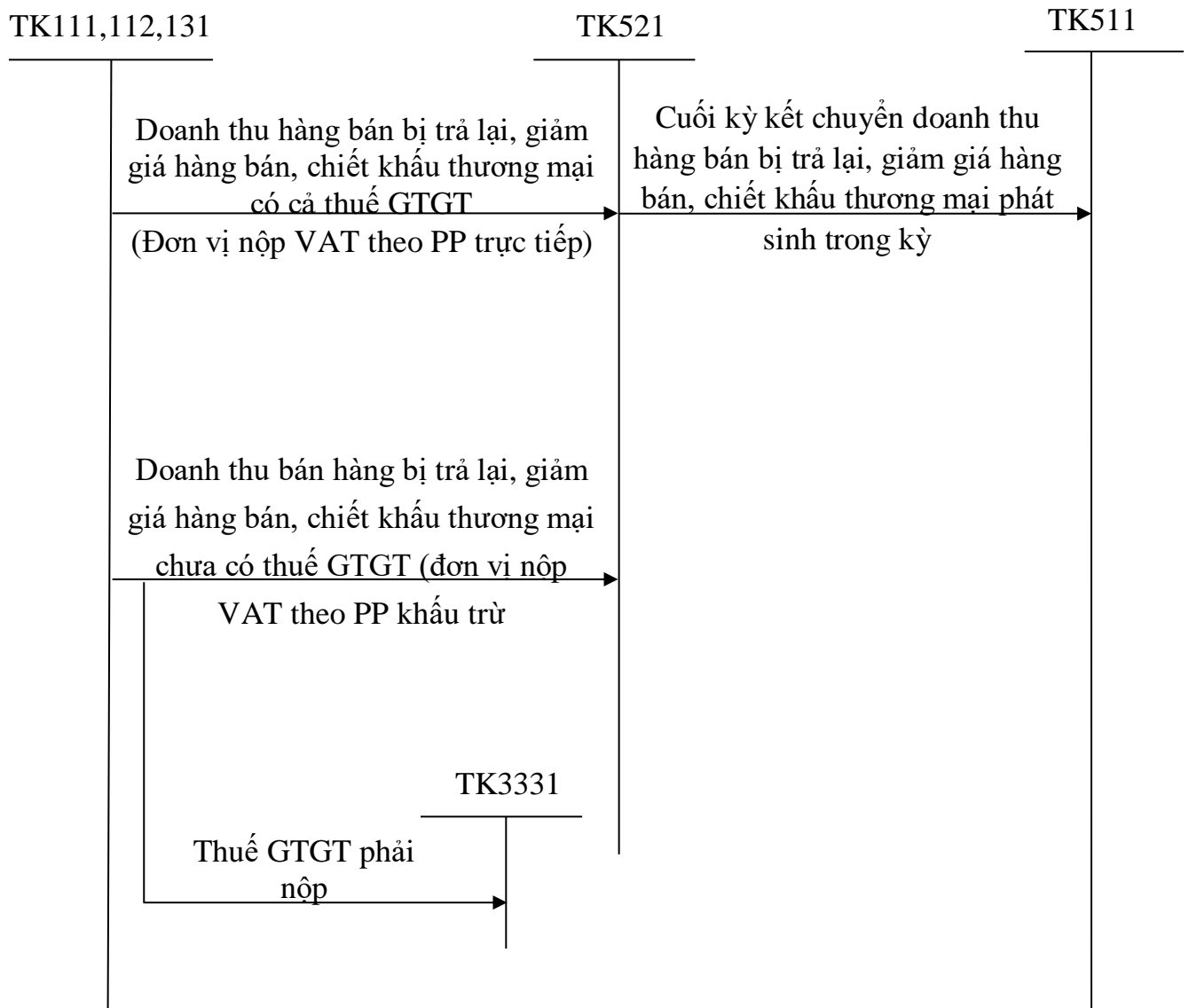
Nguyên tắc hạch toán tài khoản:

Chỉ phản ánh vào tài khoản 5213 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hoá đơn, tức là khi đã có hoá đơn bán hàng

Kết cấu TK 5213:

Nợ	TK5213	Có
<ul style="list-style-type: none"> Các khoản giảm giá hàng bán được chấp thuận 		<ul style="list-style-type: none"> Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán trừ vào doanh thu
TK 5213 không có số dư cuối kỳ		

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán:

* Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

- Phương pháp bình quân gia quyền

Giá trị từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình doanh nghiệp.

+ Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}$$

+ Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập j của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho. Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp giảm phát.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này giá của từng mặt hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất kho. Khi xuất kho mặt hàng nào thì tính theo giá đích danh của mặt hàng đó

- Phương pháp bán lẻ:

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của

hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

* *Chứng từ sử dụng:*

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu xuất kho

* *Tài khoản sử dụng:*

TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư...

Ngoài ra tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư như: chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động...

Kế cấu tài khoản:

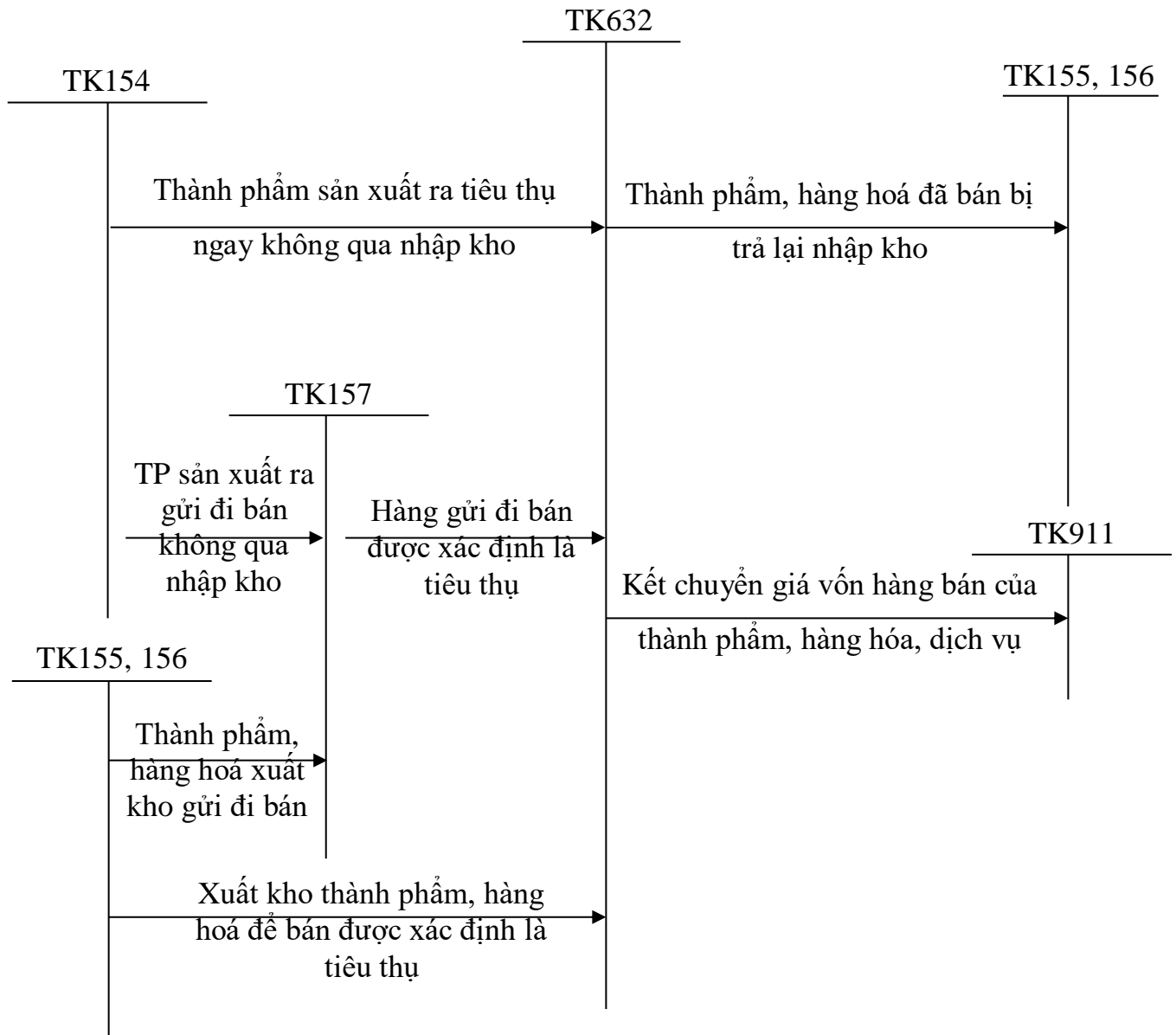
Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ. • Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt mức bình thường, • Chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ • Các hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân 		<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển giá vốn hàng bán tiêu thụ trong kỳ vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh • Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

gây ra

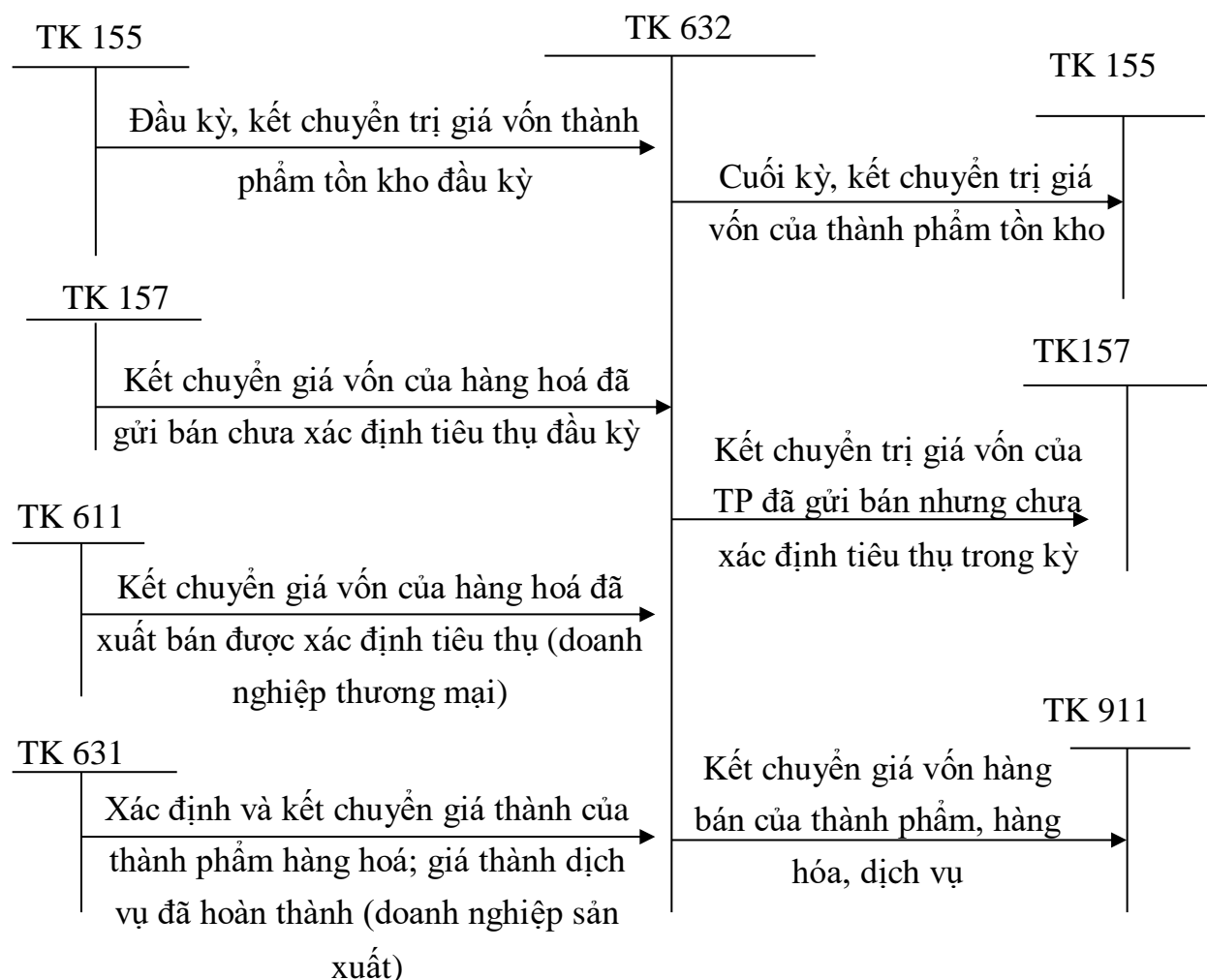
- Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn năm trước

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

* *Phương pháp hạch toán*



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:

1.5.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

* Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn thuế GTGT, hóa đơn bán hàng
- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- + Các chứng từ khác có liên quan

* *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh những chi phí trong quá trình tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ bộ phận bán hàng, chi phí thuê kho bãi, đóng gói, vận chuyển giao hàng...

Kết cấu tài khoản 641:

Nợ	TK 641 – Chi phí bán hàng	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, kết chuyển toàn bộ chi phí bán hàng sang TK911
Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ		

Tài khoản cấp 2:

- + TK 6411: Chi phí nhân viên
- + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6415: Chi phí bảo hành
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác
- + *Phương pháp hạch toán CPBH, CP QLDN*

1.5.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

* *Chứng từ sử dụng:*

- + Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Giấy báo nợ
- + Bảng kê thanh toán tạm ứng
- + Các chứng từ khác có liên quan

* *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí phục vụ quản lý doanh nghiệp gồm CP lương bộ phận QLDN, chi phí đồ dùng văn phòng, thuê nhà đất, thuê môn bài, chi phí dự phòng, khấu hao TSCĐ phục vụ cho bộ phận QLDN, chi phí dịch vụ mua ngoài...

Kết cấu tài khoản:

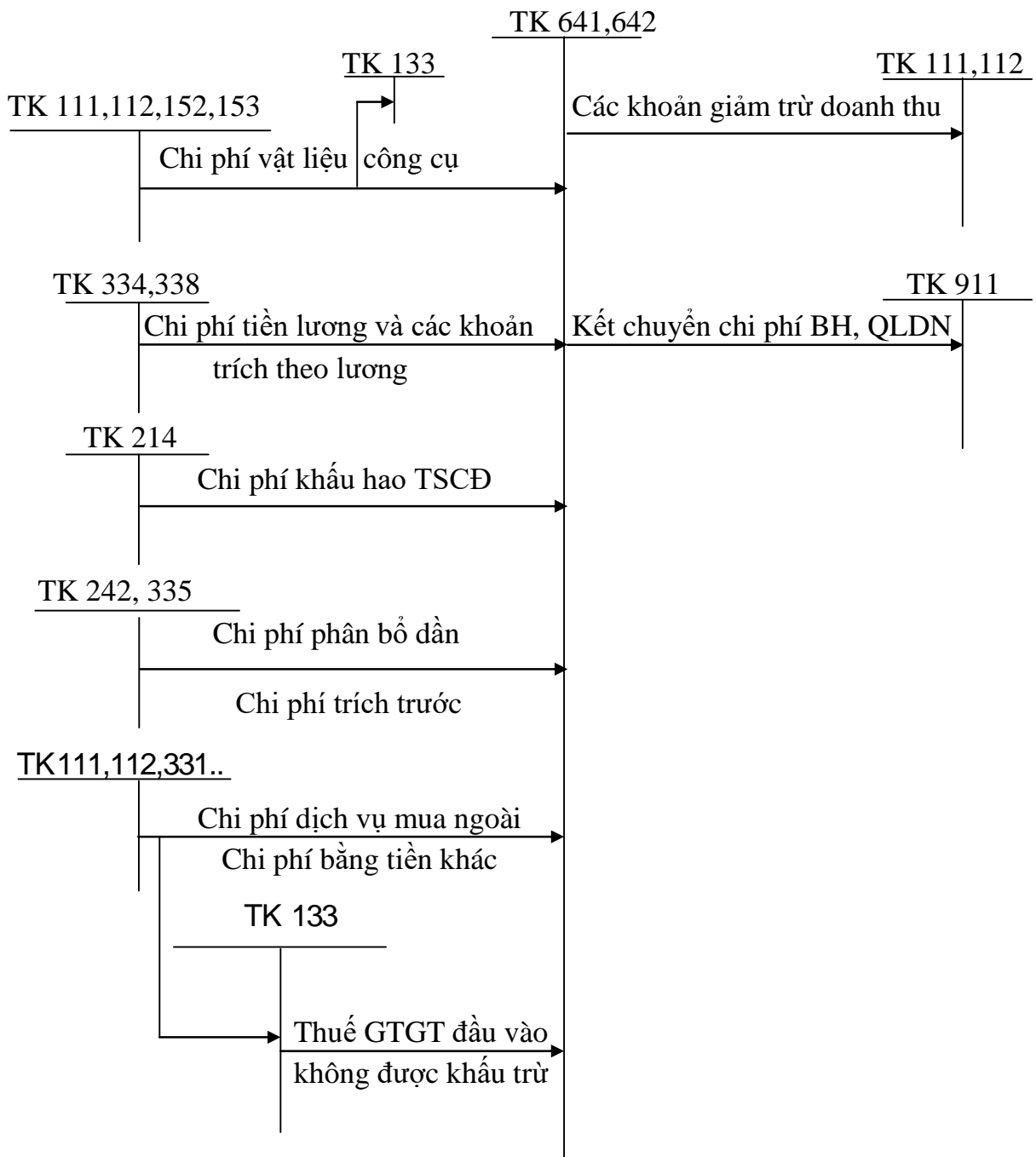
Nợ	TK 642 – Chi phí QLDN	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Các chi phí QLDN thực tế phát sinh trong kỳ • Trích lập và trích lập thêm khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả 	<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản ghi giảm chi phí QLDN • Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả • Kết chuyển chi phí QLDN vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh 	

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản cấp 2:

- + TK 6421: chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

* Phương pháp hạch toán CPBH, CP QLDN



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp

1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính

* Chứng từ sử dụng:

- + Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Các chứng từ có liên quan

* Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

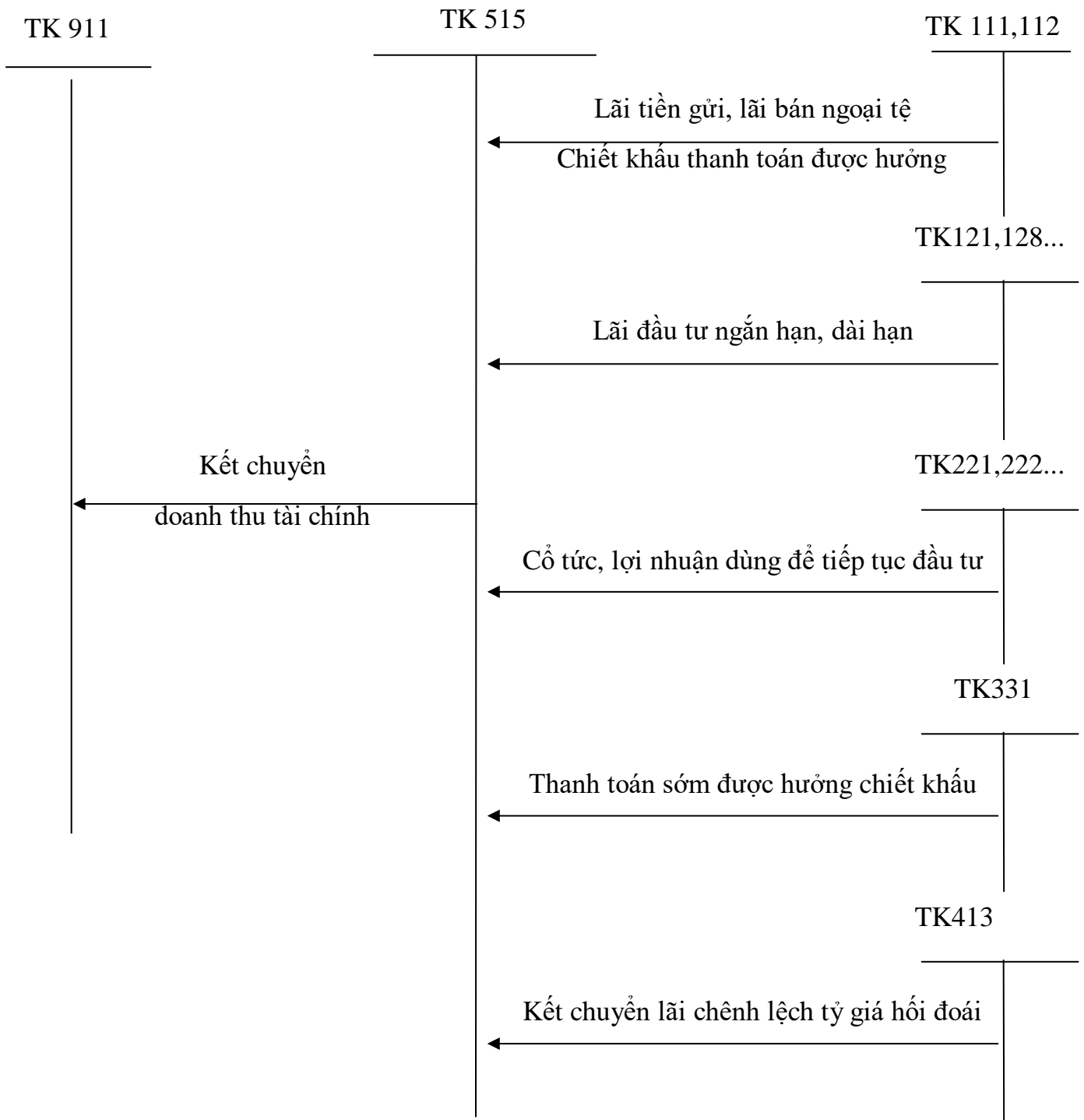
Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu do hoạt động tài chính mang lại như: lãi tiền gửi ngân hàng, chênh lệch lãi tỷ giá ngoại tệ, lợi nhuận được chia từ đầu tư cổ phiếu, thu nhập về từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 515 – Doanh thu HĐTC	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số thuế GTGT phải nộp theo pp trực tiếp (nếu có) • Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK911 – xác định kết quả kinh doanh 		<ul style="list-style-type: none"> • Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ • Chiết khấu thanh toán được hưởng

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

* Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động kinh doanh



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính tài chính

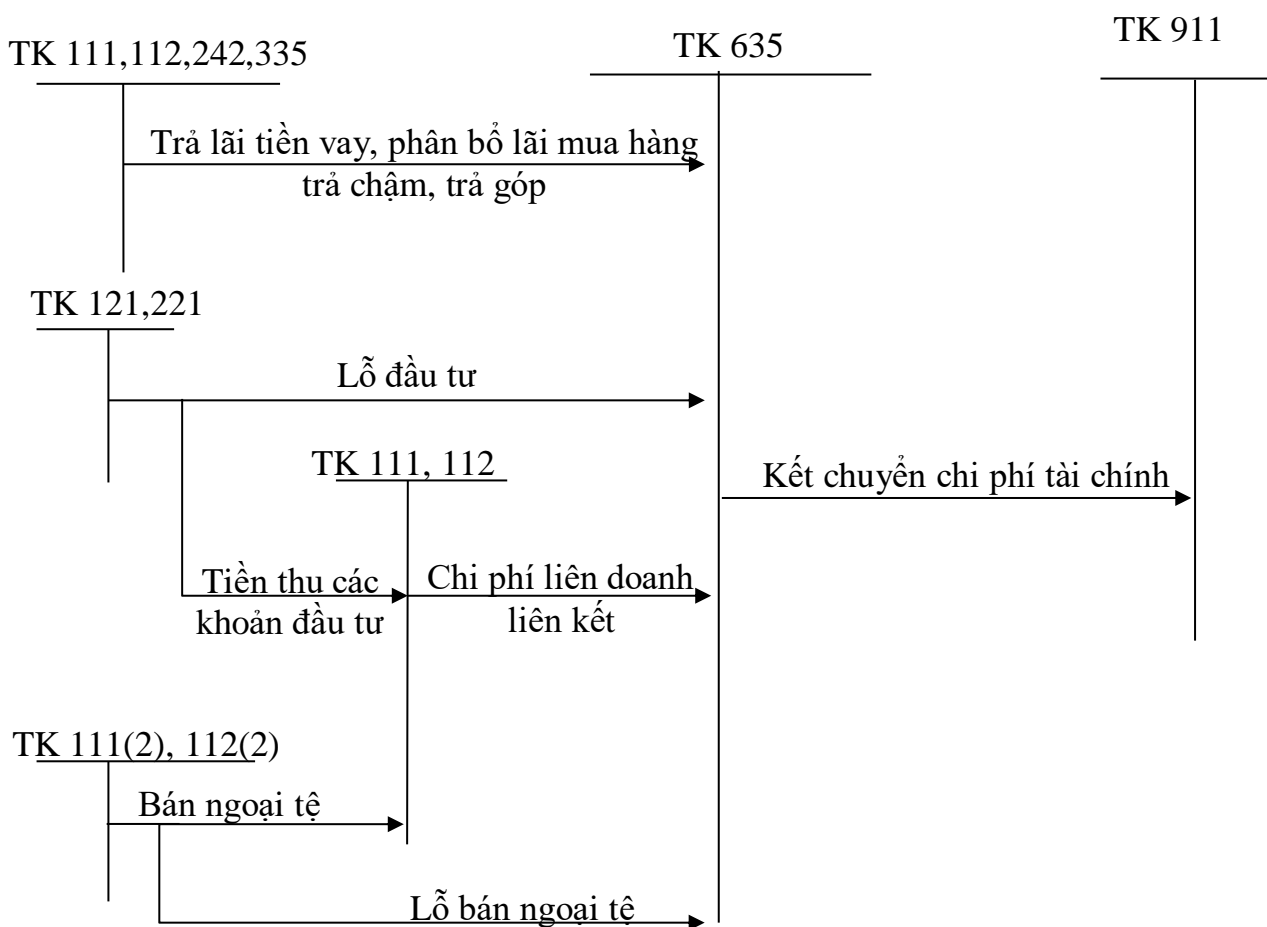
Tài khoản này phản ánh các chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ, chi phí lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán....

Kế cấu tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp các khoản chi phí hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> • Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

* *Phương pháp hạch toán chi phí tài chính*



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác* *Chứng từ sử dụng:*

- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Hóa đơn GTGT
- + Biên bản bàn giao, thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + Biên lai nộp thuế, nộp phạt và các chứng từ khác có liên quan

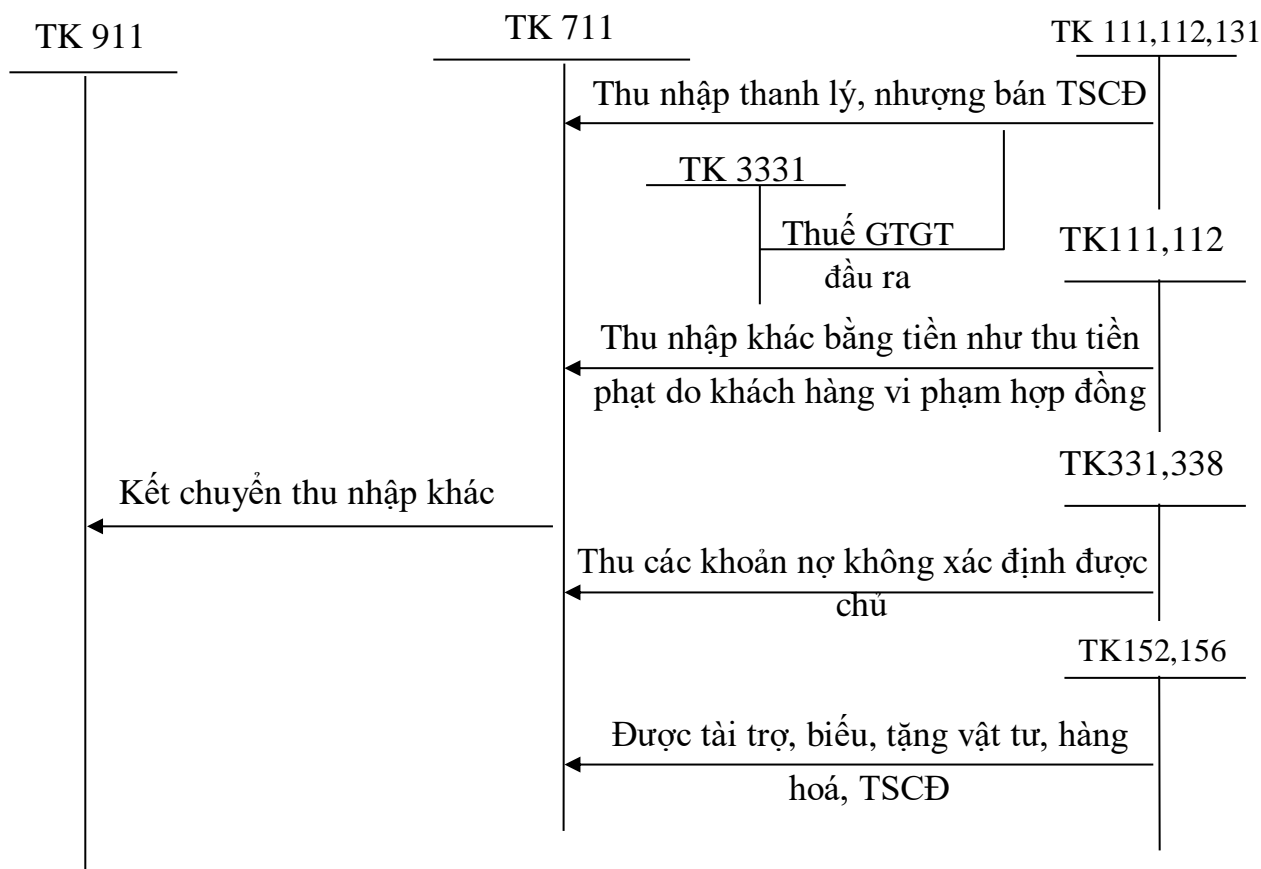
* *Tài khoản sử dụng***Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc những khoản không mang tính chất thường xuyên như: thu từ nhượng bán TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi, các khoản thuế được NSNN hoàn lại...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 711 – Thu nhập khác	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác • Kết chuyển các khoản thu nhập khác sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản thu nhập khác thực tế phát sinh 	
TK 711 không có số dư cuối kỳ		

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác

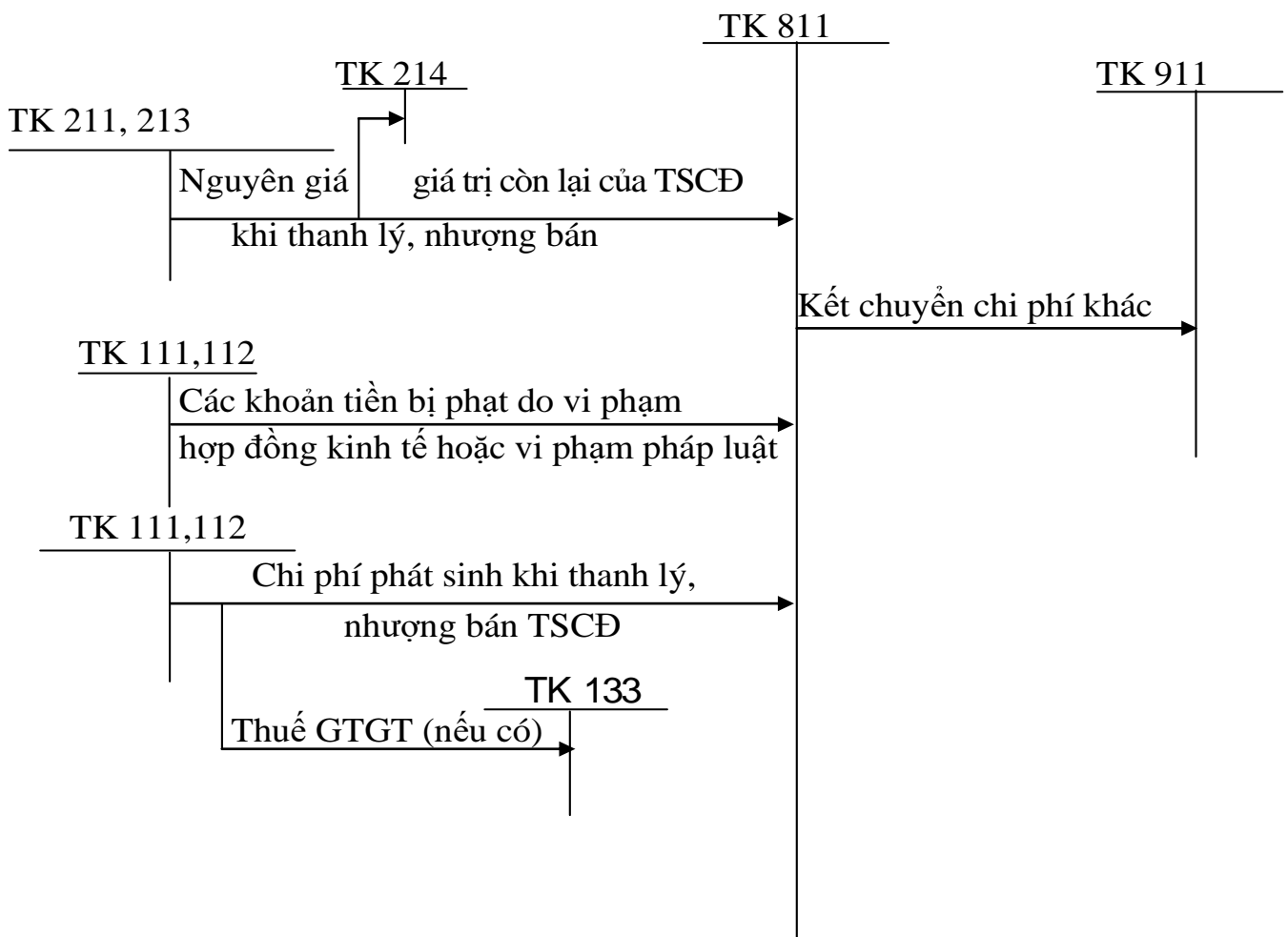
Tài khoản 811 – Chi phí khác:

Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản chi phí xảy ra không thường xuyên, riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí khác...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK811 – Chi phí khác	Có
<ul style="list-style-type: none"> Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác trong kỳ vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ		

** Phương pháp hạch toán*



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác

1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

* *Chứng từ sử dụng:*

- + Phiếu kế toán
- + Quyết định xử lý lỗ các năm trước
- + Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp
- + Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận
- + Các chứng từ khác có liên quan

* *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Kế cấu tài khoản 821:

Nợ	TK 821 – CP thuế TNDN hiện hành	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Thuế TNDN phải nộp tính vào CP thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm • CP thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót 		<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển CP thuế TNDN hiện hành vào bên nợ của TK911 – xác định kết quả kinh doanh
TK 821 không có số dư cuối kỳ		

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

Kết cấu tài tài khoản:

Nợ	TK 911 – xác định KQKD	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí QLDN, chi phí khác • Kết chuyển lãi 	<ul style="list-style-type: none"> • Tổng Doanh thu thuần tiêu thụ trong kỳ. • Tổng doanh thu thuần hoạt động tài chính và hoạt động khác • Kết chuyển Lỗ 	

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

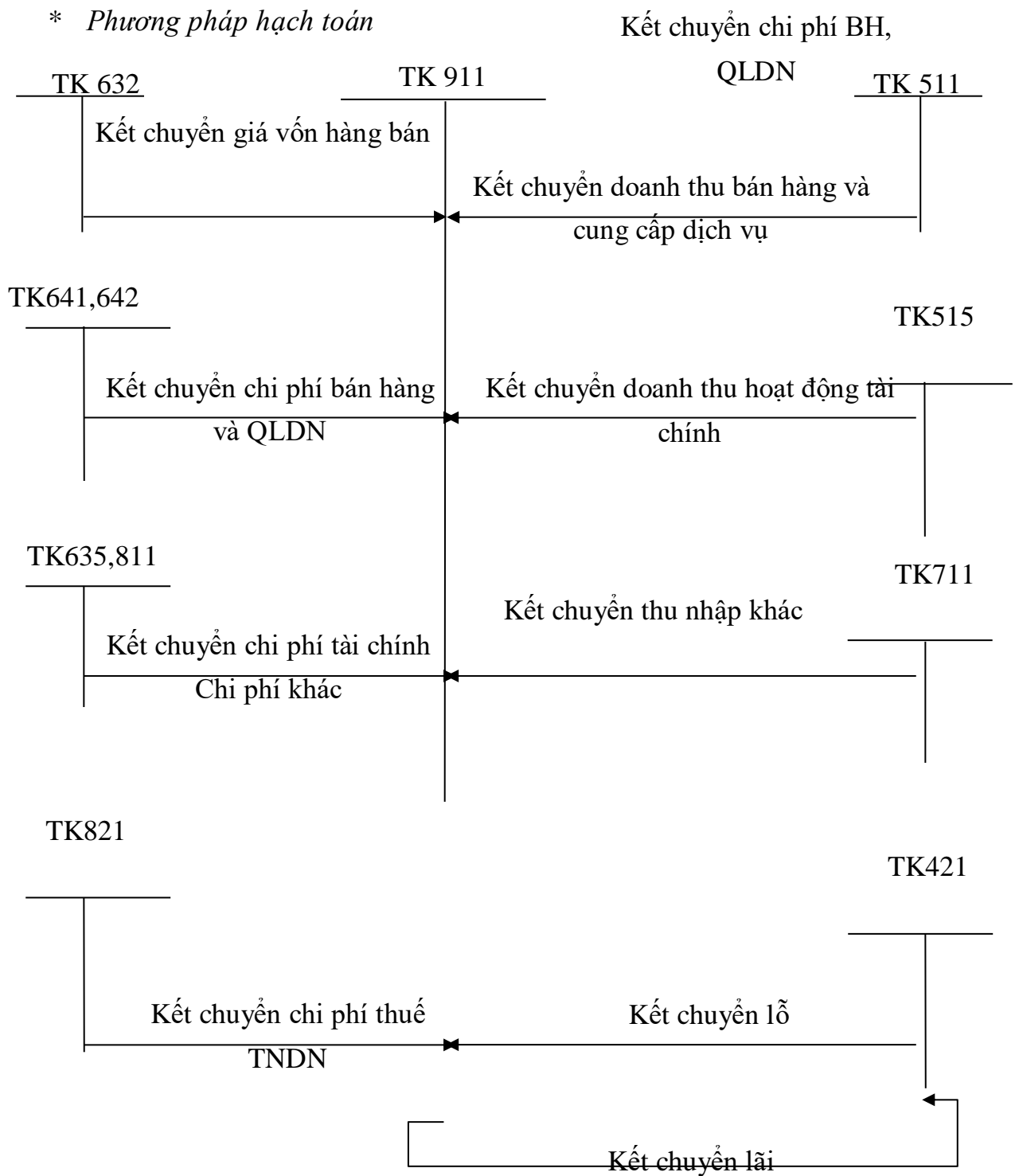
Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 421 – LNST chưa phân phối	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp • Trích lập các quỹ của doanh nghiệp • Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu • Bổ sung vốn đầu tư của CSH 	<ul style="list-style-type: none"> • Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ • Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh 	

Tài khoản cấp 2:

- + TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- + TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay



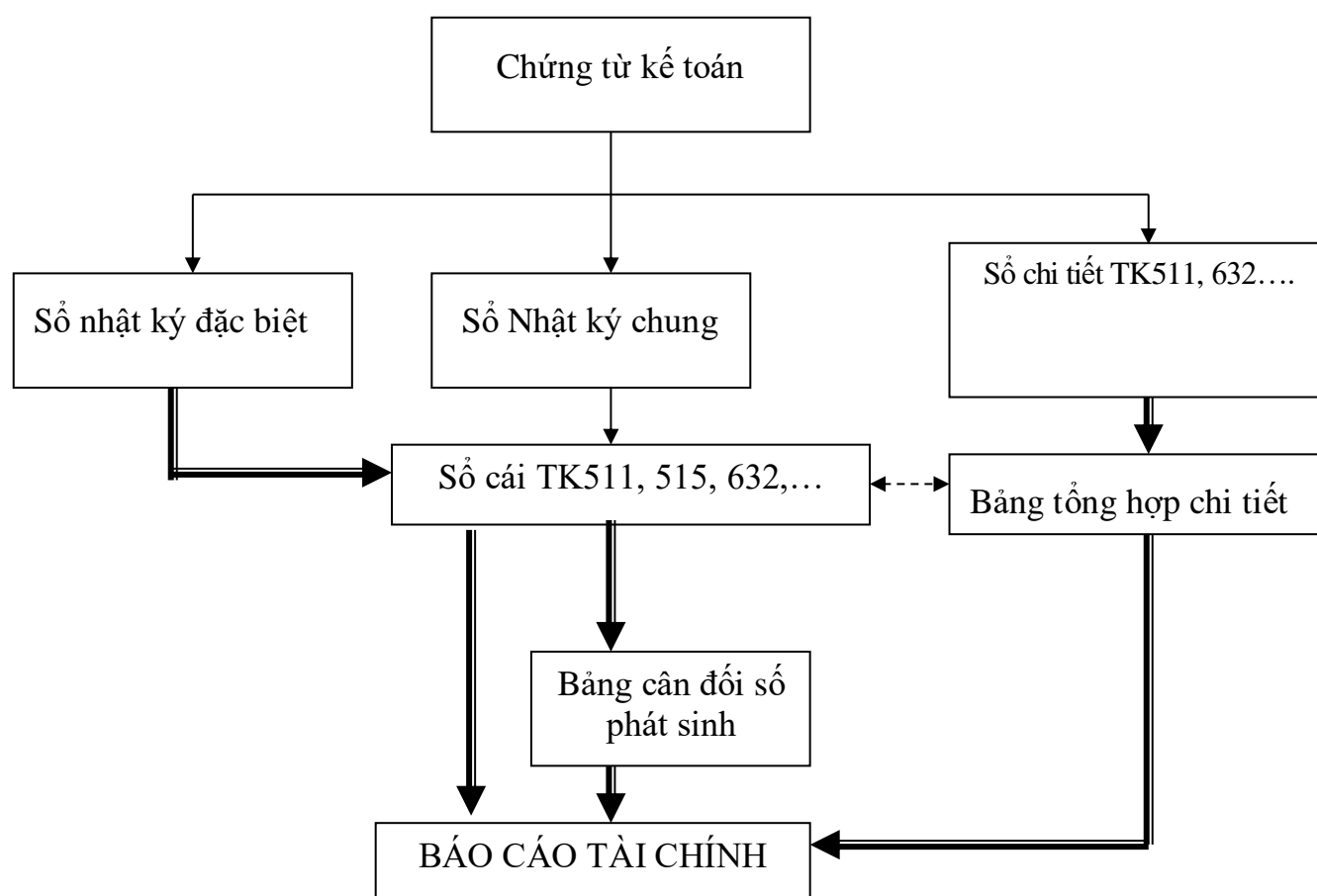
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo TT 200/2014 của Bộ tài chính, doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

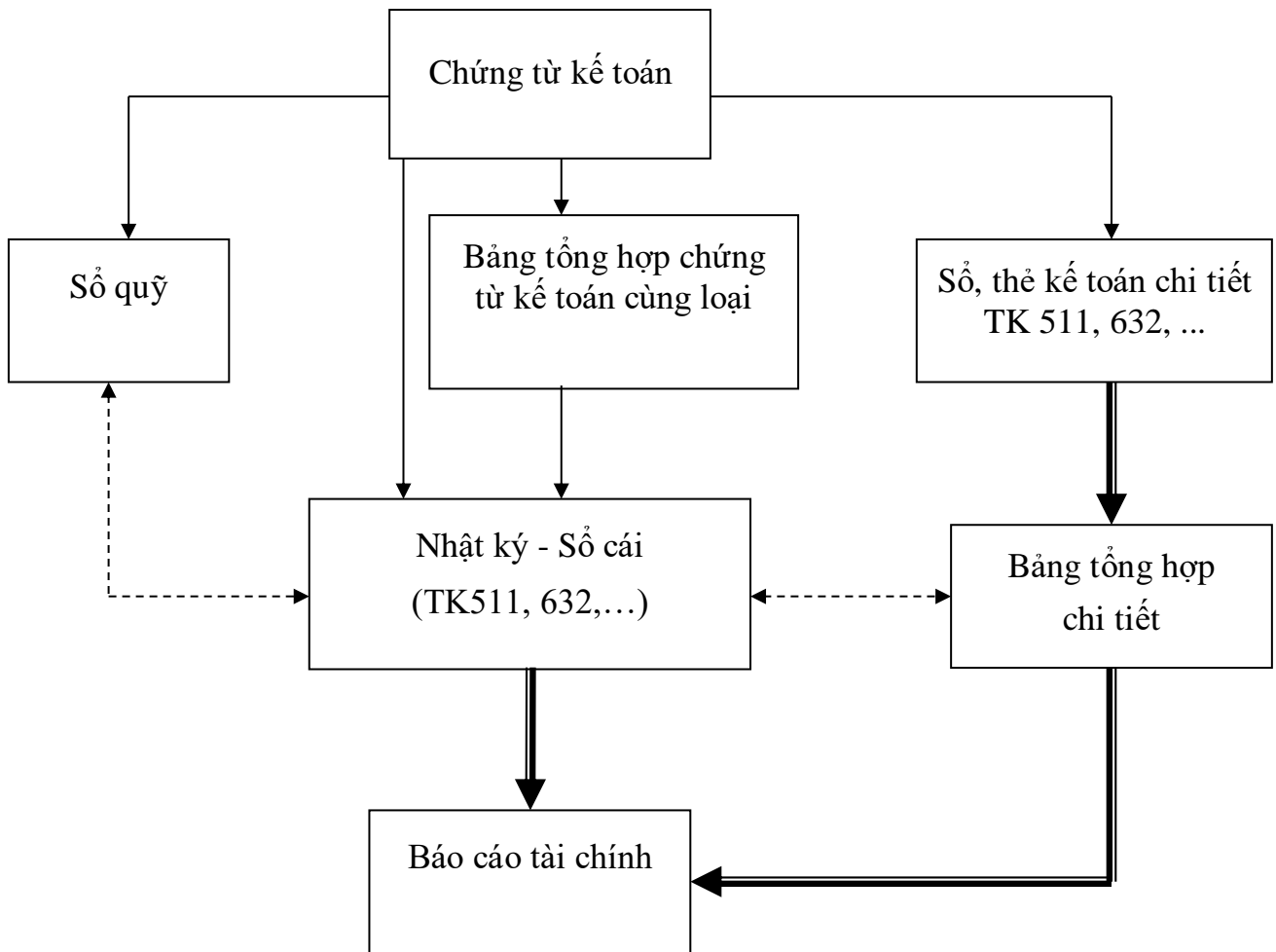
* **Hình thức kế toán Nhật ký chung**



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 ==> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 <-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

** Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái*

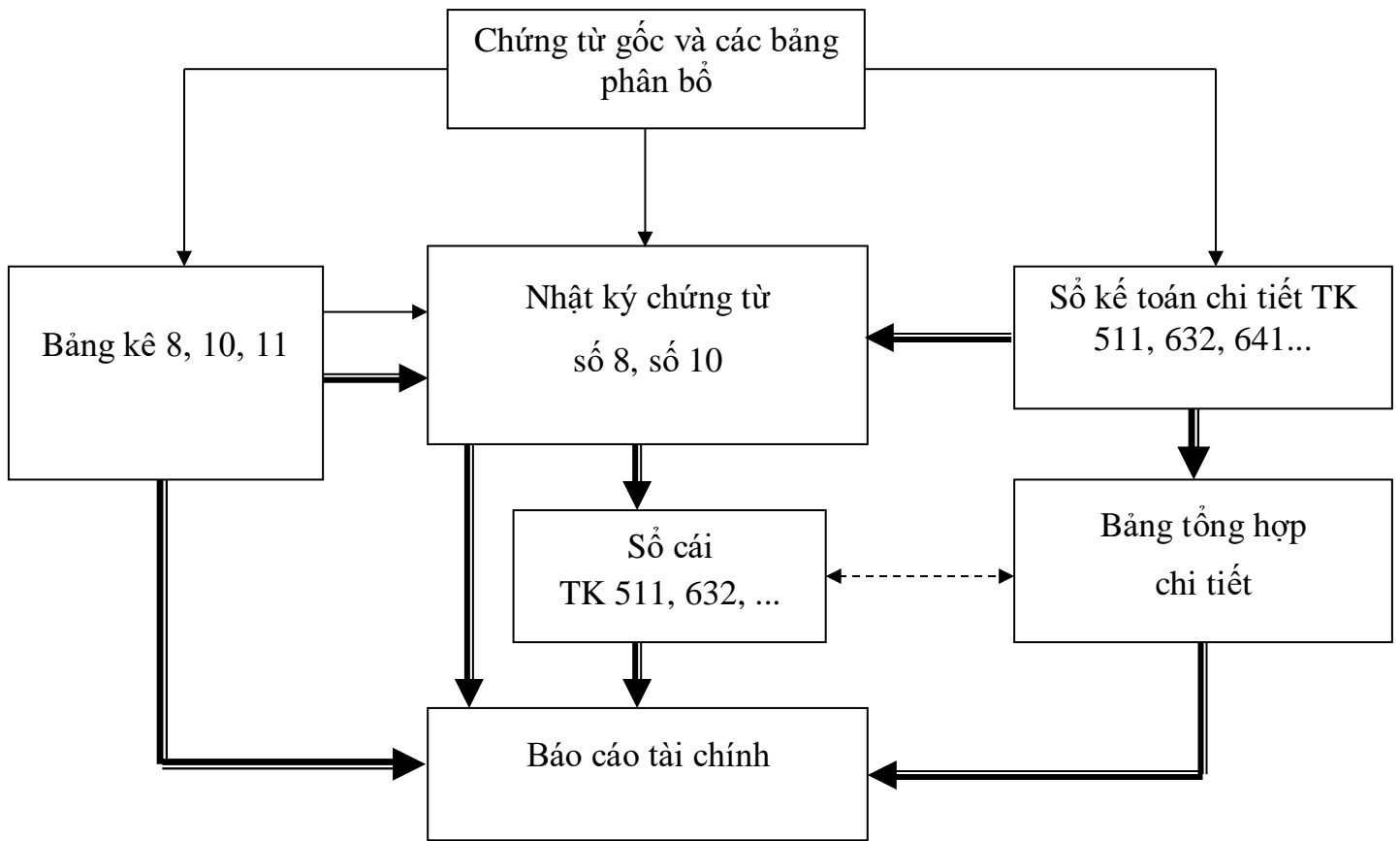


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái

** Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ*

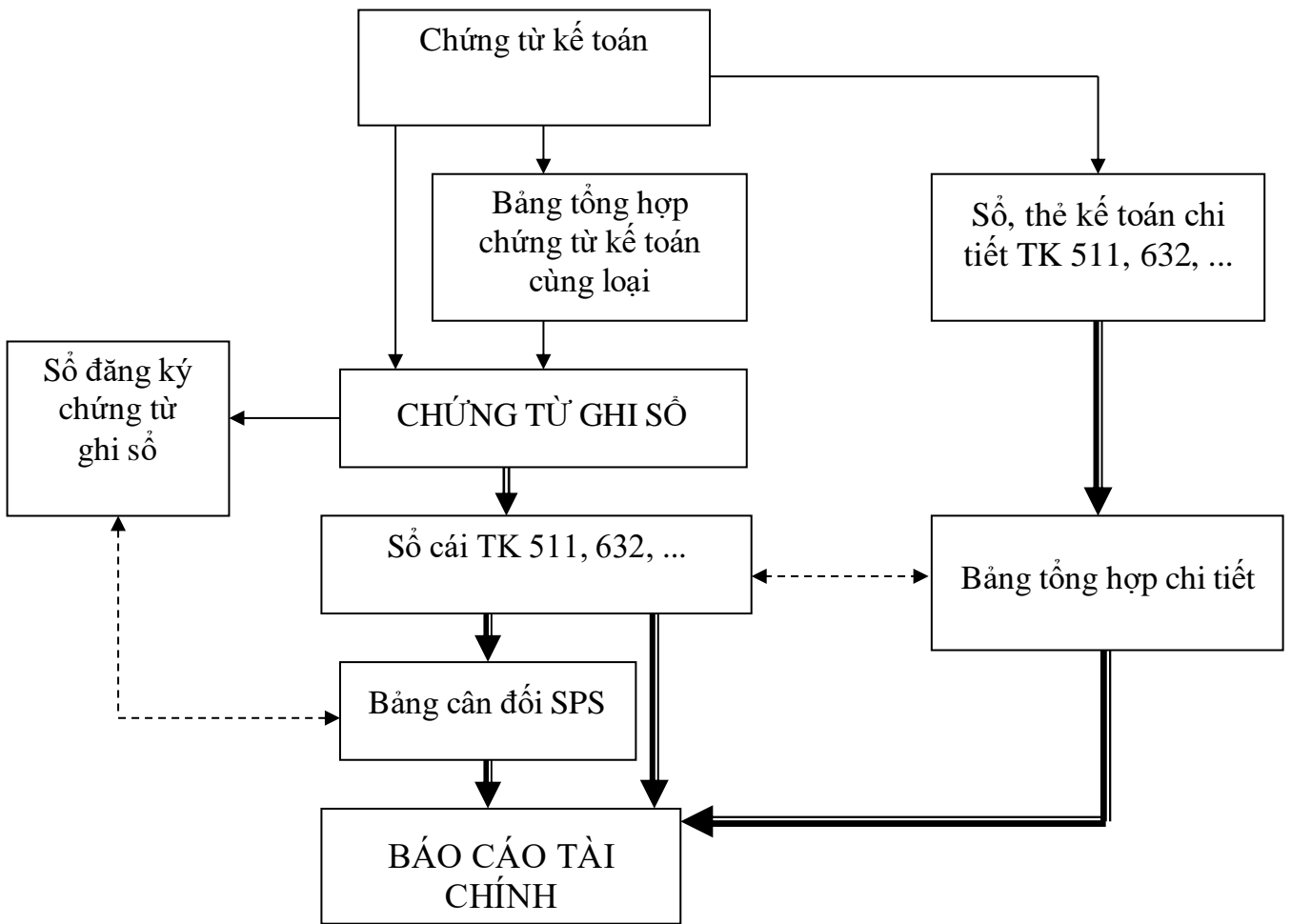


Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- >> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- >< Đối chiếu

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

*** Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ**

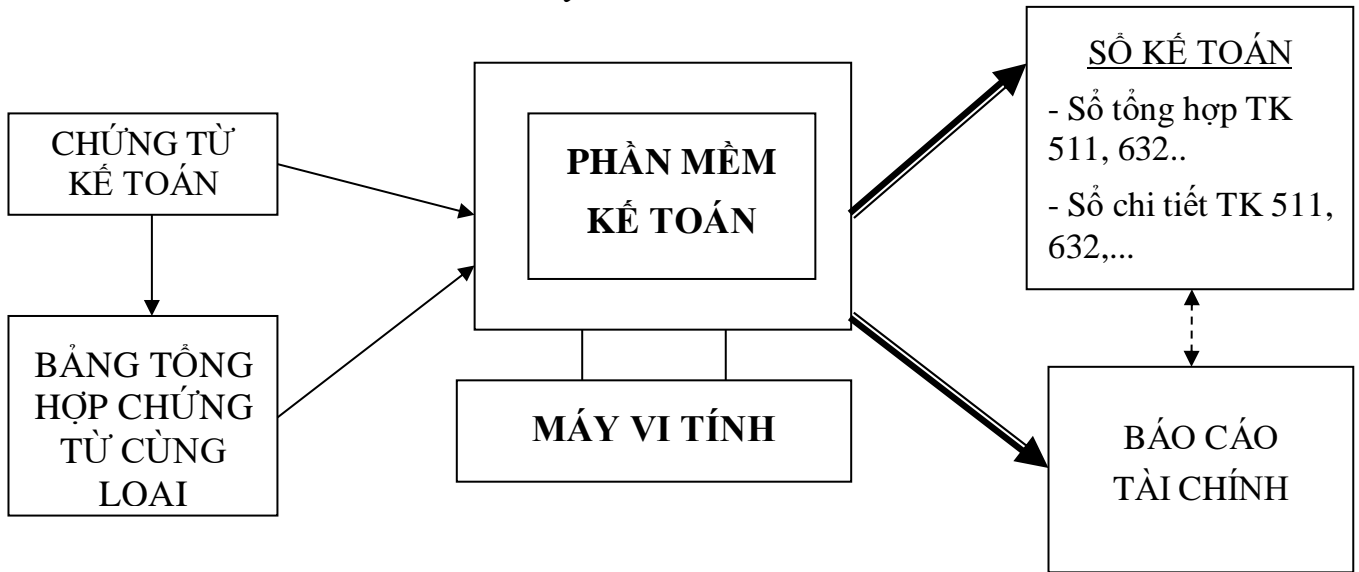


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

** Hình thức kế toán máy*



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

—————> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
DU LỊCH VỊNH XANH****2.1. Khái quát chung về Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh****2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Doanh nghiệp tư nhân du lịch
Vịnh Xanh**

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DU LỊCH VỊNH XANH được thành lập từ năm 2004, hoạt động chuyên ngành và có uy tín trong lĩnh vực vận tải hành khách, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

- Tên giao dịch: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DU LỊCH VỊNH XANH
- Giám đốc, đại diện pháp luật: Nguyễn Mạnh Hùng
- Địa chỉ: Khu 6, Thị Trấn Trới, Hoàn Bồ, Quảng Ninh
- Mã số thuế: 5700513165
- Số điện thoại: (0203)3858.739
- Ngày cấp phép: 14/10/2004

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh chính thức đi vào hoạt động 01/11/2004, trải qua một quá trình kinh doanh và phát triển. Từ khi mới thành lập cho đến nay, với sự nỗ lực của ban Giám Đốc cùng đội ngũ nhân viên doanh nghiệp đã, đang và sẽ ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn. Sau 13 năm hoạt động Doanh nghiệp đã có nhiều thành tích đáng ghi nhận. Doanh nghiệp đã từng bước xây dựng được hệ thống khách hàng tiềm năng và luôn mở rộng thêm khách hàng mới. Nắm bắt được cơ hội phát triển của ngành vận tải hành khách Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Doanh nghiệp đã không ngừng đầu tư thêm phương tiện hiện đại hơn đảm bảo phục vụ khách hàng với chất lượng cao

Các dịch vụ của doanh nghiệp được bảo hiểm trách nhiệm toàn phần, góp phần hạn chế rủi ro cho khách hàng khi sự cố xảy ra.

Ngành nghề chính tại Doanh nghiệp:

STT	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
1	Vận tải hành khách đường thủy nội địa
2	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
3	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống
4	Dịch vụ phục vụ đồ uống
5	Bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng

2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

– Doanh thu và chi phí tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh được hạch toán riêng theo từng hoạt động: hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

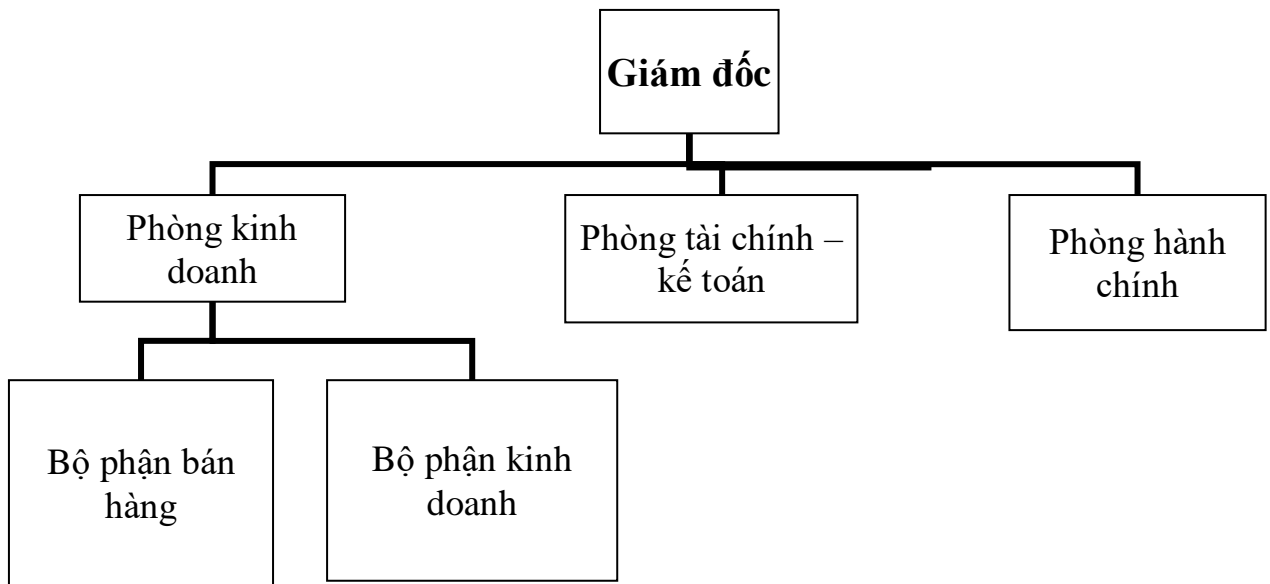
– Kết quả kinh doanh được tập hợp chung cho 3 hoạt động để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận trong kỳ kế toán của Doanh nghiệp.

– Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo năm dương lịch.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

Bộ máy quản lý của Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng:

Đứng đầu Doanh nghiệp là Giám đốc chịu trách nhiệm trước hội đồng thành viên về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của doanh nghiệp. Dưới Giám đốc là các phòng ban chức năng với những nhiệm vụ khác nhau nhưng có cùng chức năng tham mưu cho giám đốc trong quản lý, điều hành công việc. Bộ máy của Doanh nghiệp được thể hiện theo sơ đồ sau:



(Nguồn: Bộ phận hành chính của Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh)

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

Cơ cấu tổ chức quản lý của Doanh nghiệp có mối liên hệ mật thiết với nhau tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh, nâng cao trách nhiệm của từng phòng ban chức năng. Hạn chế tối đa sự trùng lặp trong quản lý, điều hành, tăng cường khả năng thông tin trong Doanh nghiệp với khách hàng. Các phòng ban thường xuyên có thông tin ngược chiều cho nhau, tạo ra khả năng nắm bắt thông tin và tăng cường khả năng hợp tác, phối hợp trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh.

Sự phân công nhiệm vụ rõ ràng từng bộ phận phòng ban chuyên trách đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định nhu cầu, dự tính kinh phí, xác định kết quả hoạt động cho từng bộ phận.

* *Thuyết minh sơ đồ cơ cấu tổ chức*

❖ *Giám đốc:*

- Là người đứng đầu doanh nghiệp có quyền quyết định mọi hoạt động của doanh nghiệp và cũng là đại diện pháp luật của doanh nghiệp.

- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với doanh nghiệp về các vấn đề như: trực tiếp đề ra các chiến lược, kế hoạch giám sát kiểm tra các phòng ban

- Ký kết các hợp đồng tài chính thương mại.
- Quyết định tuyển dụng, đào tạo, sa thải cán bộ nhân viên.
- Quyết định mức lương thưởng, thù lao đối với người lao động trong doanh nghiệp.

❖ *Phòng kinh doanh:*

- Nghiên cứu thị trường.
- Kí kết các hợp đồng kinh tế bán hàng.
- Kí kết các hợp đồng đại lý bán hàng.
- Quảng cáo các sản phẩm mới và hàng hóa của doanh nghiệp.
- Khảo sát hành vi ứng xử của khách hàng tiềm năng.
- Xây dựng kế hoạch quảng cáo, bán hàng, các chiến lược về chính sách thanh toán, hình thức thanh toán.

❖ *Phòng tài chính – Kế toán:*

- Kiểm tra, giám sát các khoản thu chi, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, nguồn hình thành tài sản, phát hiện những bất cập trong luân chuyển chứng từ tại doanh nghiệp và ngăn ngừa những hành vi vi phạm pháp luật về tài chính - kế toán.

- Giám sát, kiểm tra quá trình lập hóa đơn, chứng từ thanh toán và lưu trữ hóa đơn, chứng từ liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng pháp luật kế toán và các chế độ chính sách của Nhà nước.

- Phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu và đề xuất những giải pháp phục vụ cho yêu cầu quản trị nội bộ.

- Cung cấp thông tin kế toán theo quy định của pháp luật.

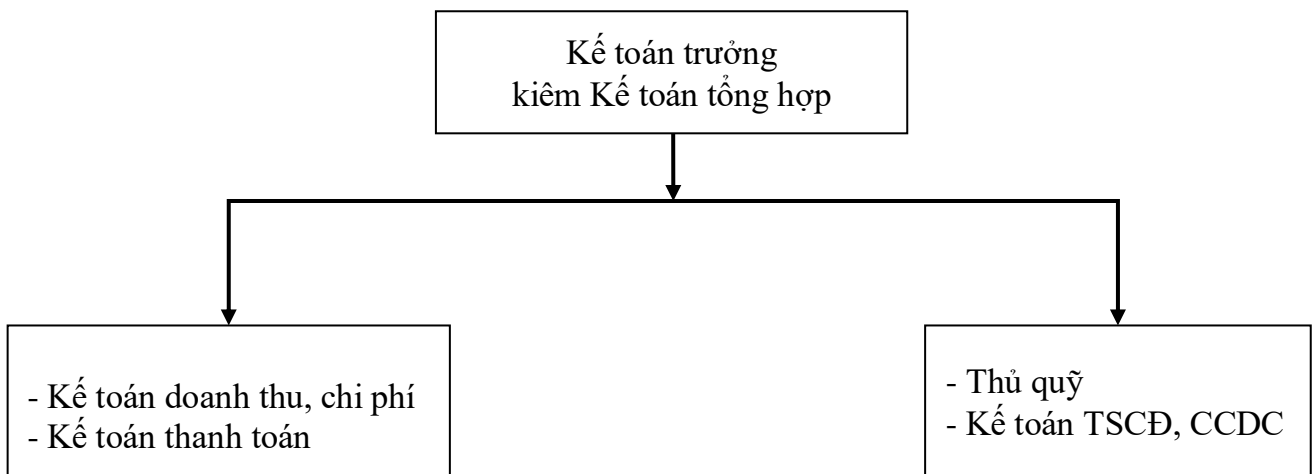
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán tham mưu để đề xuất giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế tài chính của doanh nghiệp.

❖ *Phòng hành chính:*

- Có nhiệm vụ quản lý, đôn đốc các phòng ban thực hiện các thủ tục hành chính như thủ tục vay vốn ngân hàng. ký các hợp đồng các loại.
- Quản lý, phân công, sắp xếp cán bộ, công nhân theo yêu cầu của các bộ phận liên quan cũng như bố trí các nhân viên vào các vị trí phù hợp với trình độ.
- Xây dựng các chính sách, thực hiện tuyển dụng lao động cho phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

Bộ máy kế toán của Doanh nghiệp theo mô hình kế toán tập trung. Mọi chứng từ số liệu đều tập trung gửi về phòng Tài chính – Kế toán.



(Nguồn: phòng tài chính của Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh)

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ cơ cấu bộ máy kế toán của Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

* *Nhiệm vụ chức năng của các thành viên:*

Kế toán trưởng:

- Kế toán trưởng là người giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, tài chính cho Giám đốc điều hành.

- Tham mưu giúp việc cho giám đốc, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê thông tin, tài chính của công ty.
- Tổ chức công tác và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty theo yêu cầu của cơ chế quản lý.
- Tổ chức hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc ghi chép tính toán, phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và các hoạt động kinh tế về tài chính của công ty.
- Tính toán, trích nộp đủ, kịp thời các khoản nộp ngân sách, nộp cấp trên.
- Trực tiếp làm công tác kế toán tổng hợp và điều hành nhiệm vụ trong phòng.
- Ký duyệt các tài liệu kế toán, có quyền từ chối không ký duyệt vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp không phù hợp với chế độ quy định.
- Được tham gia vào công tác tuyển dụng, khen thưởng, kỷ luật, đề bạt vị trí cho các kế toán viên, thủ kho, thủ quỹ trong doanh nghiệp theo quy định của doanh nghiệp.
- Báo cáo, thống kê tình hình tài chính một cách nhanh chóng, kịp thời cho ban giám đốc theo tháng, quý, năm hoặc có thể đột xuất.
- Lập các báo cáo theo quy định: Báo cáo thuế, tờ khai thuế, báo cáo tài chính, các báo cáo theo yêu cầu của quản lý,....

Kế toán thanh toán và doanh thu, chi phí:

- Theo dõi dòng tiền thu vào và dòng tiền chi ra của tiền mặt (TK 111), và tiền gửi ngân hàng (TK 112). Khi có chênh lệch giữa sổ kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng với sổ của thủ quỹ và sổ phụ ngân hàng, thì kế toán phải tìm hiểu nguyên nhân và điều chỉnh kịp thời. Căn cứ vào chứng từ như hóa đơn của bên bán, phiếu tạm ứng để lập thành lập thành lệnh thu và chi thanh toán các khoản nợ với khách hàng bằng tiền mặt hoặc tài khoản ngân hàng.
- Kiểm soát chứng từ đầu vào sao cho (hợp lệ, hợp pháp, hợp lý), để được tính chi phí hợp lý.
- Liên hệ với ngân hàng để làm việc (về rút tiền, trả tiền, lấy sổ phụ ngân hàng và các chứng từ liên quan đến ngân hàng).
- Lập báo cáo thu chi hàng ngày, báo cáo tiền gửi ngân hàng hằng ngày để gửi theo yêu cầu của Ban Giám Đốc.
- Thực hiện công việc thanh toán nội bộ, thanh toán ngân hàng, bảo hiểm xã hội, tiền lương công nợ.

- Nhận, đối chiếu, kiểm tra, xác nhận số liệu báo cáo doanh thu từ khách hàng sau đó lập báo cáo doanh thực hiện trong kỳ.

- Lập phương án xử lý các trường hợp công nợ khó đòi bằng các nghiệp vụ chuyên môn.

- Thực hiện báo cáo doanh thu công nợ.

- Hỗ trợ báo cáo doanh thu định kỳ cho Công ty.

Thủ quỹ và Kế toán TSCĐ, CCDC:

- Thực hiện việc thanh toán tiền mặt hàng ngày theo quy trình thanh toán của công ty

- Tự động kiểm kê đối chiếu quỹ hàng ngày, quản lý toàn bộ tiền mặt trong kết sắt của công ty

- Chịu trách nhiệm lưu giữ chứng từ thu chi tiền

- Kiểm tra số tiền. nội dung. ngày tháng lập trên Phiếu thu, Phiếu chi với chứng từ gốc.

- Kiểm tra số tiền thu vào hoặc chi ra cho chính xác để nhập hoặc xuất quỹ tiền mặt

- Đảm bảo số dư tồn quỹ phục vụ kinh doanh và chi trả lương cho nhân viên bằng việc thông báo kịp thời số dư tồn quỹ cho kế tổng hợp.

- Quản lý và theo dõi số lượng tài sản cố định.

- Trích khấu hao đầy đủ chi phí vào những bộ phận có liên quan của những tài sản tham gia vào SXKD.

- Kế toán ghi chép, theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn kho vật liệu, công cụ, dụng cụ cả về số lượng, chất lượng, giá trị. Tính giá trị của vật liệu xuất kho theo phương pháp thích hợp, phương pháp tính giá phải sử dụng nhất quán ít nhất là trong một niên độ kế toán.

- Kế toán tính toán và phân bổ giá trị của vật liệu, công cụ dụng cụ sử dụng vào chi phí sản xuất theo đúng chế độ quy định.

* Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng:

- Kỳ kế toán: Từ 1/1 đến 31/12 năm dương lịch.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá vốn xuất kho: Phương pháp giá đích danh.

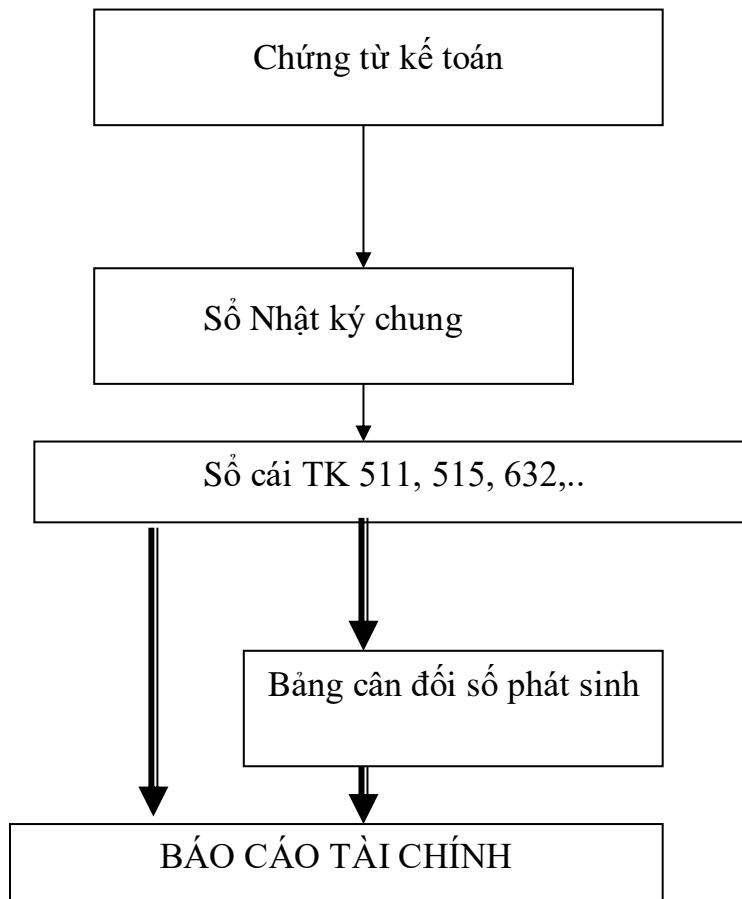
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Thuế GTGT khấu trừ.

- Chế độ kế toán áp dụng: Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC.

- Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 <-----> Đối chiếu

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...
 - + Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán,...
- Tài khoản sử dụng:
 - + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - + TK liên quan khác: TK 111, TK 112,...
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 511
- Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 04/12, Doanh nghiệp cho Cục đối ngoại bộ quốc phòng thuê tàu nội trú với đơn giá 9.000.000 đồng/tàu (đã bao gồm VAT 10%) theo HĐ0001230 ngày 04/12/2016, thanh toán bằng tiền mặt.

✚ Định khoản:

Nợ TK 111: 9.000.000

Có TK 511: 8.181.818

Có TK 3331: 818.182

Căn cứ vào hóa đơn số 0001230 (Biểu số 2.1), Kế toán tiến hành lập phiếu thu số 03/12 (Biểu 2.2) sau đó ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.5)

Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT số HD0001230

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001																
(Liên 3: Nội bộ)			Ký hiệu: AA/14P																
Ngày 04 tháng 12 năm 2016			Số: 0001230																
Đơn vị bán hàng: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DU LỊCH VỊNH XANH																			
Mã số thuế: 5700513165																			
Địa chỉ: Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bô- Tỉnh Quảng Ninh																			
Điện thoại: 0333858739																			
Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng.....																			
Tên đơn vị: Cục đối ngoại bộ quốc phòng																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>						0	1	0	0	1	0	7	7	3	3				
0	1	0	0	1	0	7	7	3	3										
Địa chỉ: Số 33- Phạm Ngũ Lão- Hoàn Kiếm- Hà Nội																			
Hình thức thanh toán:		Tiền mặt		Số tài khoản:															
.....																			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=4x5														
1	Thuê tàu nội trú	Tàu	1	8.181.818	8.181.818														
Cộng tiền hàng:					8.181.818														
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		818.182														
Tổng cộng thanh toán:					9.000.000														
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu đồng chẵn.																			
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>																			

Biểu số 2.2. Phiếu thu 03/12**Đơn vị:** Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh**Mẫu số: 01 – TT****Địa chỉ:** Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bô- Tỉnh Quảng Ninh

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU THU

Ngày 04 tháng 12 năm 2016

Quyển số:.....
Số:12/16.....
Số:.....111.....
Số: ...511, 3331.....

Họ tên người nộp tiền: Cục đối ngoại bộ quốc phòng

Địa chỉ: : Số 33- Phạm Ngũ Lão- Hoàn Kiếm- Hà Nội

Lý do nộp: Thuê tàu nội trú

Số tiền : 9.000.000 (Viết bằng chữ): Chín triệu đồng chẵn.

Kèm theo: ...01.... Chứng từ gốc

Ngày 04 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán	Người nộp	Người lập	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	trưởng (Ký, họ tên)	tiền (Ký, họ tên)	phiếu (Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Chín triệu đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Ví dụ 2: Ngày 19/12, Doanh nghiệp cho Công ty TNHH Rosa thuê tàu thăm quan vịnh với đơn giá 3.500.000 đồng/tàu (đã bao gồm VAT 10%) theo HĐ0001275 ngày 19/12/2016, thanh toán bằng chuyển khoản.

Định khoản:

Nợ TK 112: 3.500.000

Có TK 511 : 3.181.818


Có TK 3331: 318.182

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001275 (Biểu số 2.3) và giấy báo có của ngân hàng BIDV số 06307 (Biểu số 2.4). Kế toán tiền hàng ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.5)

Biểu số 2.3. Hóa đơn GTGT số HD0001275

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001																
(Liên 3: Nội bộ)			Ký hiệu: AA/14P																
Ngày 19 tháng 12 năm 2016			Số: 0001275																
Đơn vị bán hàng: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DU LỊCH VỊNH XANH																			
Mã số thuế: 5700513165																			
Địa chỉ: Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoành Bồ- Tỉnh Quảng Ninh																			
Điện thoại: 0333858739																			
Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng.....																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH du thuyền Rosa																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px;">1</td><td style="width: 20px; height: 20px;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px;">9</td><td style="width: 20px; height: 20px;">7</td><td style="width: 20px; height: 20px;">6</td><td style="width: 20px; height: 20px;">9</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px;"> </td><td style="width: 20px; height: 20px;"> </td><td style="width: 20px; height: 20px;"> </td><td style="width: 20px; height: 20px;"> </td></tr></table>						0	1	0	7	7	0	9	7	6	9				
0	1	0	7	7	0	9	7	6	9										
Địa chỉ: Số 22 Hàng Xôi, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.																			
Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản:																			
.....																			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=4x5														
1	Thuê tàu thăm vịnh	Tàu	1	3.181.818	3.181.818														
Cộng tiền hàng:					3.181.818														
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		318.182														
Tổng cộng thanh toán:					3.500.000														
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu lăm trăm nghìn đồng.																			
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>																			

Biểu 2.4. Giấy báo có của ngân hàng BIDV

 NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	GIẤY BÁO CÓ Ngày 19 /12/2016	Mã GDV: Mã KH: Số GD: 06307
Ngân hàng BIDV		
Chi nhánh: Quảng Ninh		
Kính gửi: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DU LỊCH VỊNH XANH		
Mã số thuế: 5700513165		
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi Có: 00100000681666		
Số tiền bằng số: 3.500.000		
Số tiền bằng chữ: Ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.		
Nội dung: Công ty TNHH du thuyền Rosa thanh toán tiền theo HĐ 0001275		
GIAO DỊCH VIÊN		KIỂM SOÁT

Biểu số 2.5. Trích sổ Nhật ký chung

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bồ Quảng Ninh				Mẫu số S03a -DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
04/12/16	HĐ 0001230	04/12/16	Cho thuê tàu nội trú	111	9.000.000	
				511		8.181.818
				3331		818.182
					
19/12/16	HĐ 0001275	19/12/16	Cho thuê tàu thăm quan vịnh	112	3.500.000	
				511		3.181.818
				3331		318.182
					
			Cộng phát sinh		5.453.468.655.900	5.453.468.655.900
Người ghi sổ <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Kế toán trưởng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Giám đốc <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 511 (Biểu 2.6)

Biểu số 2.6. Trích Sổ cái TK 511

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh
Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bò
Quảng Ninh

Mẫu số S03b –DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016
Loại TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Số hiệu: 511

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
04/12/16	HĐ 0001230	04/12/16	Cho thuê tàu nội trú	111		9.000.000
					
19/12/16	HĐ 0001275	19/12/16	Cho thuê tàu thăm vịnh	112		3.500.000
					
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	86.457.880.296	
			Cộng số phát sinh		86.457.880.296	86.457.880.296
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

2.2.1.2. Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

- Chứng từ sử dụng:
 - + Phiếu kế toán
 - Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng:
 - + Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 632

Việc tập hợp chi phí cấu thành giá vốn dịch vụ được tập hợp trên TK 154, từ TK 154 kết chuyển sang TK 632. Các chi phí liên quan đến tập hợp chi phí cấu thành giá vốn dịch vụ: chi phí xăng dầu, chi phí lưu bến tàu...

Biểu số 2.7. Sổ cái TK 154

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bồ

Mẫu số S03b –DN

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC

Quảng Ninh

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Loại TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
01/12/16	HĐ1077	01/12/16	Phí lưu bến tàu	331	7.000.000	
					
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Kết chuyển sang giá vốn	632		77.789.568.168
			Cộng số phát sinh		77.789.568.168	77.789.568.168
			SDCK			

Người ghi sổ*(Ký, ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ
tên)***Giám đốc***(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu số 2.8. Trích sổ Nhật ký chung

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

Mẫu số S03a -DN

Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bò

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC

Quảng Ninh

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
31/12/16	PKT 14	31/12/16	Phát sinh giá vốn hàng bán trong kỳ	632	77.789.568.168	
				154		77.789.568.168
					
			Cộng phát sinh		5.453.468.655.900	5.453.468.655.900

Người ghi sổ*(Ký, ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký, ghi rõ họ tên)*

Căn cứ vào sổ nhật ký chung (Biểu 2.8) kế toán tiến hành ghi vào sổ cái TK 632 (Biểu 2.9)

Biểu số 2.9. Trích sổ cái tài khoản 632

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh
Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bồ
Quảng Ninh

Mẫu số S03b –DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Loại TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Phát sinh giá vốn hàng bán trong kỳ	154	77.789.568.168	
31/12/16	PKT 14	31/12/16	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		77.789.568.168
			Cộng số phát sinh		77.789.568.168	77.789.568.168
			SDCK			

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

- Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu chi, ủy nhiệm chi...
 - + Bảng thanh toán lương
 - + Bảng tính khấu hao và phân bổ khấu hao
- Tài khoản sử dụng:
 - + Tài khoản 641: Chi phí bán hàng
 - + Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 641, 642
- Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 08/12, Công ty thanh toán tiền sửa chữa máy in phục vụ ở bộ phận bán hàng cho Công ty cổ phần Hòa Hợp

Định khoản:

Nợ TK 641: 1.000.000

Nợ TK 133: 100.000

Có TK 111: 1.100.000

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000266 (Biểu số 2.10), kế toán tiến hành lập phiếu chi số 21/12 (Biểu số 2.11), sau đó phản ánh nghiệp vụ trên vào sổ nhật ký chung (Biểu 2.14)

Biểu số 2.10. Hóa đơn GTGT số HD0000266

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 2: Giao khách hàng) Ngày 08 tháng 12 năm 2016			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 0000266																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA HỢP Mã số thuế: 5700472367 Địa chỉ: Số nhà 344 đường Trần Phú, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh Điện thoại: 0333.863023 Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng.....																			
Tên đơn vị: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DU LỊCH VỊNH XANH																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>5</td><td>7</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>1</td><td>3</td><td>1</td><td>6</td><td>5</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						5	7	0	0	5	1	3	1	6	5				
5	7	0	0	5	1	3	1	6	5										
Địa chỉ: Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoành Bồ- Quảng Ninh																			
Hình thức thanh toán: Tiền mặt																			
Số tài khoản:																			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=4x5														
1	Thanh toán phí sửa chữa máy in				1.000.000														
Cộng tiền hàng:					1.000.000														
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		100.000														
Tổng cộng thanh toán:					1.100.000														
Số tiền viết bằng chữ: một triệu một trăm nghìn đồng chẵn.																			
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký và đóng dấu)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)																			

Biểu số 2.11. Phiếu chi số 21/12*Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh**Mẫu số: 02 - TT**Xanh**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC**Địa chỉ: Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện
Hoành Bồ- Quảng Ninh**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính****PHIẾU CHI****Ngày 08 tháng 12 năm 2016**Số: 21/12**Nợ TK641: 1.000.000**Nợ TK133: 100.000**Có TK111: 1.100.000**Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Minh Nguyệt**Địa chỉ: Công ty cổ phần Hòa Hợp**Lý do chi: Chi tiền sửa chữa máy in**Số tiền: 1.100.000**Bằng chữ: một triệu một trăm nghìn đồng chẵn.**Kèm theo: chứng từ gốc**Ngày 08 tháng 12 năm 2016*

<i>Giám đốc</i>	<i>Kế toán</i>	<i>Người nhận</i>	<i>Người lập</i>	<i>Thủ quỹ</i>
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>trưởng</i>	<i>tiền</i>	<i>phiếu</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>
	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	

*Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu một trăm nghìn đồng chẵn**Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):**Số tiền quy đổi:*

Ví dụ 2: Ngày 14 tháng 12 năm 2016 Công ty thanh toán tiền điện thoại tháng 11 năm 2016 theo HĐ0567936. Số tiền ghi trên hóa đơn là 1.782.925 (VAT 10%)

Định khoản

Nợ TK 642 : 1.620.841

Nợ TK 133 : 162.084

Có TK 111 : 1.782.925

Căn cứ vào HĐ0567936 (Biểu 2.12) Công ty tiến hành lập phiếu chi 30/12 (Biểu 2.13). Dựa vào hóa đơn và phiếu chi Công ty tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.14)

Biểu số 2.12. Hóa đơn viễn thông

Mẫu số:
01GTKT0/001

**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN
THÔNG**

Ký hiệu:
BB/13E

Telecommunication service invoice Số **0567938**

Đơn vị bán hàng: Trung tâm kinh doanh VNPT- Quảng Ninh- Chi nhánh Tổng công ty dịch vụ viễn thông

Mã số thuế: 10106869738-053

Địa chỉ: 539 Lê Thánh Tông- Phường Bạch Đằng- Thành phố Hạ Long- Quảng Ninh

Tên khách hàng: **Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh**

Địa chỉ: **Khu 6 – Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bô- Quảng Ninh**

Số thuê bao: **3858739**

Mã số:

Hình thức thanh toán: **Tiền mặt**

MST: **5700513165**

STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Cước dịch vụ viễn thông tháng 11/2016				1.620.841
Cộng tiền dịch vụ:					1.620.841
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		162.084
Tổng tiền thanh toán:					1.782.925

Số tiền (bằng chữ): Một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng

Ngày 14 tháng 12 năm
2016

Người nộp tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nhân viên giao dịch
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.13. Phiếu chi số 30/12*Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh**Xanh**Địa chỉ: Khu 6- Thị trấn Trới-**Huyện Hoàn Bô- Quảng Ninh**Mẫu số: 02 - TT**(Ban hành theo Thông tư số**200/2014-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính***PHIẾU CHI***Ngày 14 tháng 12 năm 2016**Số: 30/12**Nợ TK642: 1.620.841**Nợ TK133: 162.084**Có TK111: 1.782.925**Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Lương**Địa chỉ: Công ty dịch vụ viễn thông VNPT Quảng Ninh**Lý do chi: Thanh toán tiền dịch vụ viễn thông tháng 11/2016**Số tiền: 1.782.925**Bằng chữ: Một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng chẵn.**Kèm theo: 01 chứng từ gốc**Ngày 14 tháng 12 năm 2016*

<i>Giám đốc</i>	<i>Kế toán</i>	<i>Người nhận</i>	<i>Người lập</i>	<i>Thủ quỹ</i>
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>trưởng</i>	<i>tiền</i>	<i>phiếu</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>
	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	

*Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng chẵn.**Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):**Số tiền quy đổi:*

Biểu số 2.14. Trích sổ Nhật ký chung

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoành Bồ Quảng Ninh			Mẫu số S03a -DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
08/12/16	HĐ 0000266	08/12/16	Thanh toán tiền sửa máy in	641	1.000.000	
				133	100.000	
				111		1.100.000
					
14/12/16	HĐ 0567936	14/12/16	Thanh toán cước viễn	642	1.620.841	
				133	162.084	
				111		1.782.925
					
31/12/16	BPBL T12	31/12/16	Tính ra tiền lương tháng 12	641	32.759.000	
				642	63.791.000	
				334		96.550.000
					
31/12/16	BPBL T12	31/12/16	Các khoản trích theo lương tháng 12	641	7.190.400	
				642	13.482.000	
				334	9.044.175	
				338		29.716.575
					
31/12/16	BKH T12	31/12/16	Khấu hao tháng 12	641	5.092.198	
				642	2.539.154	
				214		7.6311.352
					
			Cộng phát sinh		5.453.468.655.900	5.453.468.655.900
Người ghi sổ			Kế toán trưởng		Giám đốc	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>			<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	

Căn cứ vào sổ nhật ký chung (biểu 2.14), kế toán tiến hành ghi sổ cái TK641 (biểu số 2.15) và sổ cái TK642 (biểu số 2.16)

Biểu số 2.15. Trích sổ cái TK641

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoành Bồ Quảng Ninh			Mẫu số S03b -DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
SỔ CÁI						
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016						
Loại TK: Chi phí bán hàng						
Số hiệu: 641						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
08/12/16	HD 0000266	08/12/16	Thanh toán tiền sửa máy in	111	1.000.000	
					
31/12/16	BPBL T12	31/12/16	Tính ra lương tháng 12	334	32.759.000	
					
31/12/16	BPBL T12	31/12/16	Trích lương tháng 12	338	7.190.400	
					
31/12/16	BKH T12	31/12/16	Khấu hao TSCĐ	214	5.092.198	
31/12/16	PKT 14	31/12/16	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		4.501.786.129
			Cộng số phát sinh		4.501.786.129	4.501.786.129
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

Biểu số 2.16. Trích sổ cái TK642

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh
Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bồ
Quảng Ninh

Mẫu số S03b –DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016
Loại TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp
Số hiệu: 642

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
14/12/16	HD 0567936	14/12/16	Thanh toán tiền cước viễn thông	111	1.620.841	
					
31/12/16	BPBL T12	31/12/16	Tính ra lương tháng 12	334	63.791.000	
					
31/12/16	BPBL T12	31/12/16	Trích lương tháng 12	338	13.482.000	
					
31/12/16	BKH T12	31/12/16	Khấu hao TSCĐ	214	2.539.154	
31/12/16	PKT 14	31/12/16	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		2.032.642.980
			Cộng số phát sinh		2.032.642.980	2.032.642.980
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

- Chứng từ sử dụng:
 - + Sổ phụ ngân hàng
 - + Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Tài khoản sử dụng:
 - + Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính.
 - + Tài khoản 635: Chi phí tài chính.
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 515, TK 635
- Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 31/12 Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh nhận được tiền lãi của ngân hàng BIDV với số tiền 1.601.000 bằng chuyển khoản


Định khoản:

Nợ TK 112 : 1.601.000

Có TK 515: 1.601.000

Căn cứ vào giấy báo có (Biểu 2.17) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.18)

Biểu 2.17. Giấy báo có của ngân hàng BIDV

 <p>BIDV NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM</p>	<p>GIẤY BÁO CÓ</p> <p>Ngày 31/12/2016</p>	<p>Mã GDV:</p> <p>Mã KH:</p> <p>Số GD: 08636</p>
<p>Ngân hàng BIDV</p> <p>Chi nhánh: Quảng Ninh</p>		
<p>Kính gửi: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DU LỊCH VỊNH XANH</p> <p>Mã số thuế: 5700513165</p>		
<p>Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:</p>		
<p>Số tài khoản ghi Có: 00100000681666</p>		
<p>Số tiền bằng số: 1.601.000</p>		
<p>Số tiền bằng chữ: Một triệu sáu trăm linh một nghìn đồng.</p>		
<p>Nội dung: Lãi tiền gửi</p>		
<p>GIAO DỊCH VIÊN</p>		<p>KIỂM SOÁT</p>

Biểu số 2.18. Trích sổ Nhật ký chung

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

Mẫu số S03a –DN

Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bò

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC

Quảng Ninh

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
12/12/16	HĐ 0567936	12/12/16	Thanh toán cước viễn thông	642	1.620.841	
				133	162.084	
				111		1.782.925
					
31/12/16	GBC 8636	31/12/16	Lãi nhập gốc	112	1.601.000	
				515		1.601.000
					
			Cộng phát sinh		5.453.468.655.900	5.453.468.655.900

Người ghi sổ*(Ký, ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký, ghi rõ họ tên)*

Căn cứ vào sổ nhật ký chung (Biểu 2.18), kế toán tiến hành ghi sổ cái TK515 (biểu số 2.19)

Biểu số 2.19. Trích sổ cái TK515

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

Mẫu số S03b -DN

Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bô

(Ban hành theo TT 200/2014-

BTC

Quảng Ninh

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài

Chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Loại TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
31/12/16	GBC 8636	31/12/16	Lãi nhập gốc	112		1.601.000
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911		
			Cộng số phát sinh		8.316.847	8.316.847
			SDCK			

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3. Nội dung kế toán doanh thu khác, chi phí khác hoạt tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

Trong năm doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến TK711 và TK 811

2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

* Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu kế toán

* Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ cái TK911: “Kết quả kinh doanh”

+ Sổ cái TK 821: “Chi phí thuế TNDN”

+ Sổ cái TK421: “Lợi nhuận chưa phân phối”

* *Ví dụ minh họa:*

Ngày 31/12: Thực hiện các bút toán kết chuyển cuối năm 2016

Căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 632, 641, 642 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 14 (Biểu số 2.20) để kết chuyển chi phí

Biểu số 2.20. Phiếu kế toán số 14

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh Khu 6 – Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bồ- Quảng Ninh				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Số: 14				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	77.789.568.169
2	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	4.501.786.129
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	2.032.642.980
	Cộng			84.323.997.278
Người lập			Kế toán trưởng	

Căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK511, TK515 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 13 (Biểu số 2.21) để kết chuyển doanh thu, thu nhập.

Biểu số 2.21. Phiếu kế toán số 13

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bò- Quảng Ninh				
PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Số: 13				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	86.457.880.296
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	8.316.847
	Cộng			86.466.197.143
Người lập			Kế toán trưởng	

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 14 và Phiếu kế toán số 13 kế toán ghi vào sổ nhật chung.

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK511 (Biểu số 2.6), sổ cái TK515 (Biểu số 2.19), sổ cái TK 632 (Biểu số 2.9), sổ cái TK 641 (Biểu số 2.15), Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.16), sổ cái TK 911 (Biểu số 2.29)

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán tiến hành lập Phiếu kế toán số 15 (Biểu số 2.22) phản ánh thuế TNDN phải nộp

Biểu số 2.22. Phiếu kế toán số 15

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bồ- Quảng Ninh PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Số: 15				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016	821	3334	428.439.973
	Cộng			428.439.973
Người lập			Kế toán trưởng	

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 15, kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK821 (Biểu số 2.28).
 Căn cứ vào sổ cái TK821, kế toán lập Phiếu kế toán số 16 (Biểu số 2.24) phản ánh việc kết chuyển chi phí thuế năm 2016.

Biểu số 2.24. Phiếu kế toán số 16

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh Khu 6- Thị trấn Trới-Huyện Hoàn Bồ- Quảng Ninh PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Số: 16				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016	911	821	428.439.973
	Cộng			428.439.973
Người lập			Kế toán trưởng	

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 16, kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK821 (Biểu số 2.28), Tài khoản 911 (Biểu số 2.27)

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán lập phiếu kế toán số 17 (Biểu số 2.25) phản ánh kết chuyển lợi nhuận sau thuế.

Biểu số 2.25. Phiếu kế toán số 17

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bô- Quảng Ninh PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Số: 17				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	1.713.759.892
	Cộng			1.713.759.892
Người lập			Kế toán trưởng	

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 17, Kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.26)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK911 (Biểu số 2.27), sổ cái TK821 (Biểu số 2.28), sổ cái TK421 (Biểu số 2.19).

Căn cứ vào các sổ cái và các phiếu kế toán Kế toán lập Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016 (Biểu số 2.30)

Biểu số 2.26. Trích sổ nhật ký chung

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh
Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoành Bồ
Quảng Ninh

Mẫu số S03a- DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
31/12/16	PKT13	31/12/16	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	511	86.457.880.296	
				515	8.316.847	
				911		86.466.197.143
31/12/16	PKT14	31/12/16	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	84.323.997.278	
				632		77.789.568.169
				641		4.501.786.129
				642		2.032.642.980
31/12/16	PKT15	31/12/16	Chi phí thuế TNDN năm 2016	821	428.439.973	
				3334		428.439.973
31/12/16	PKT 16	31/12/16	Kết chuyển thuế TNDN năm 2016	911	428.439.973	
				821		8428.439.973
31/12/16	PKT 17	31/12/16	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	1.713.759.892	
				421		1.713.759.892
			Cộng phát sinh		5.453.468.655.900	5.453.468.655.900
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

Biểu số 2.27. Trích sổ cái TK 911

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh
Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoành Bồ
Quảng Ninh

Mẫu số S03b –DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016
Loại TK: Xác định kết quả kinh doanh
Số hiệu: 911

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		86.457.880.296
31/12/16	PKT 13	31/12/16	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		8.316.847
31/12/16	PKT 14	31/12/16	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	77.789.568.169	
31/12/16	PKT 14	31/12/16	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	4.501.786.129	
31/12/16	PKT 14	31/12/16	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	2.032.642.980	
31/12/16	PKT 16	31/12/16	Kết chuyển thuế TNDN	821	428.439.973	
31/12/16	PKT 17	31/12/16	Lợi nhuận sau thuế	421	1.713.759.892	
			Cộng số phát sinh		86.466.197.143	86.466.197.143
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.28. Trích sổ cái TK 821

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh
 Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bồ
 Quảng Ninh

Mẫu số S03b- DN
 (Ban hành theo TT 200/2014-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Loại TK: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: 821

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
31/12/16	PKT 15	31/12/16	Chi phí thuế TNDN năm 2016	3334	428.439.973	
31/12/16	PKT 16	31/12/16	Kết chuyển thuế TNDN năm 2016	911		428.439.973
			Cộng số phát sinh		428.439.973	428.439.973
			SDCK			

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.29. Trích sổ cái TK 421

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

Mẫu số S03b- DN

Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bồ

(Ban hành theo TT 200/2014-BTC

Quảng Ninh

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Loại TK: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: 421

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
31/12/16	PKT 17	31/12/16	Lợi nhuận sau thuế năm 2016	911		1.713.759.892
			Cộng số phát sinh			1.713.759.892
			SDCK			1.713.759.892

Người ghi sổ*(Ký, ghi rõ họ
tên)***Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký, ghi rõ họ tên)*

Biểu số 2.30. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bồ Quảng Ninh			Mẫu số B02 -DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH					
Năm 2016					
STT	Chỉ tiêu	Mã	Mã thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		86.457.880.296	76.349.862.972
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		86.457.880.296	76.349.862.972
4	Giá vốn hàng bán	11		77.789.568.169	69.534.972.389
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		8.668.312.127	6.814.890.583
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		8.316.847	7.459.367
7	Chi phí tài chính	22			
	- Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí bán hàng	25		4.501.786.129	3.496.385.792
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.032.642.980	1.693.759.272
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26)	30		2.142.199.865	1.632.204.886
11	Thu nhập khác	31			
12	Chi phí khác	32			
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.142.199.865	2.142.199.865
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		428.439.973	326.440.977
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.713.759.892	1.305.763.909
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			
Người lập (Đã ký)		Kế toán trưởng (Đã ký)		Lập ngày 15 tháng 03 năm 2017 Giám đốc (Đã ký)	

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DU LỊCH VỊNH XANH****3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh****3.1.1. Ưu điểm**

– Về bộ máy kế toán:

+ Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, phù hợp với quy mô, đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ đối với doanh nghiệp. Hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của đội ngũ kế toán viên trong doanh nghiệp.

– Về hạch toán ghi sổ:

+ Doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Hình thức này đơn giản, sổ sách kế toán mở phù hợp với hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên.

– Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

+ Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu

+ Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời nhằm tránh tình trạng chi không, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty, giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

3.1.2 Hạn chế

3.1.2.1 Về ứng dụng phần mềm kế toán

Doanh nghiệp chưa áp dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nên kế toán phải làm trên excel. Do khối lượng công việc hàng ngày phát sinh nhiều gây khó khăn trong công cho kế toán tác kế toán, đôi khi công việc bị chậm và gây áp lực công việc cho kế toán. Vì vậy công ty nên đầu tư phần mềm kế toán phù hợp với tính chất công việc của doanh nghiệp, để tăng hiệu quả của công tác kế toán.

3.1.2.2 Về công tác theo dõi chi tiết doanh thu và giá vốn hàng bán

Hiện nay công ty chưa theo dõi chi tiết doanh thu bán hàng cũng như giá vốn của hàng hóa nên việc đánh giá hiệu quả trong kinh doanh với từng sản phẩm gặp khó khăn.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, các nhà quản trị doanh nghiệp cần sử dụng các thông tin do kế toán cung cấp. Thông tin kế toán là nguồn tài nguyên quan trọng nhất. Nó làm cơ sở cho quá trình ra quyết định phân phối, điều hòa nguồn nhân lực, trợ giúp doanh nghiệp trong mục đích kinh doanh.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Vì vậy việc nâng cao công tác quản lý, cung cấp thông tin kịp thời, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh là rất quan trọng.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

– Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

+ Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

+ Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi.

+ Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

+ Đảm bảo thực hiện đúng chế độ kế toán nhà nước ban hành.

– Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đạt được trong công tác hạch toán.

3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì nhân viên kế toán không những có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bên cạnh đó phải có kiến thức về công nghệ mới, áp dụng được khoa học công nghệ vào công việc.

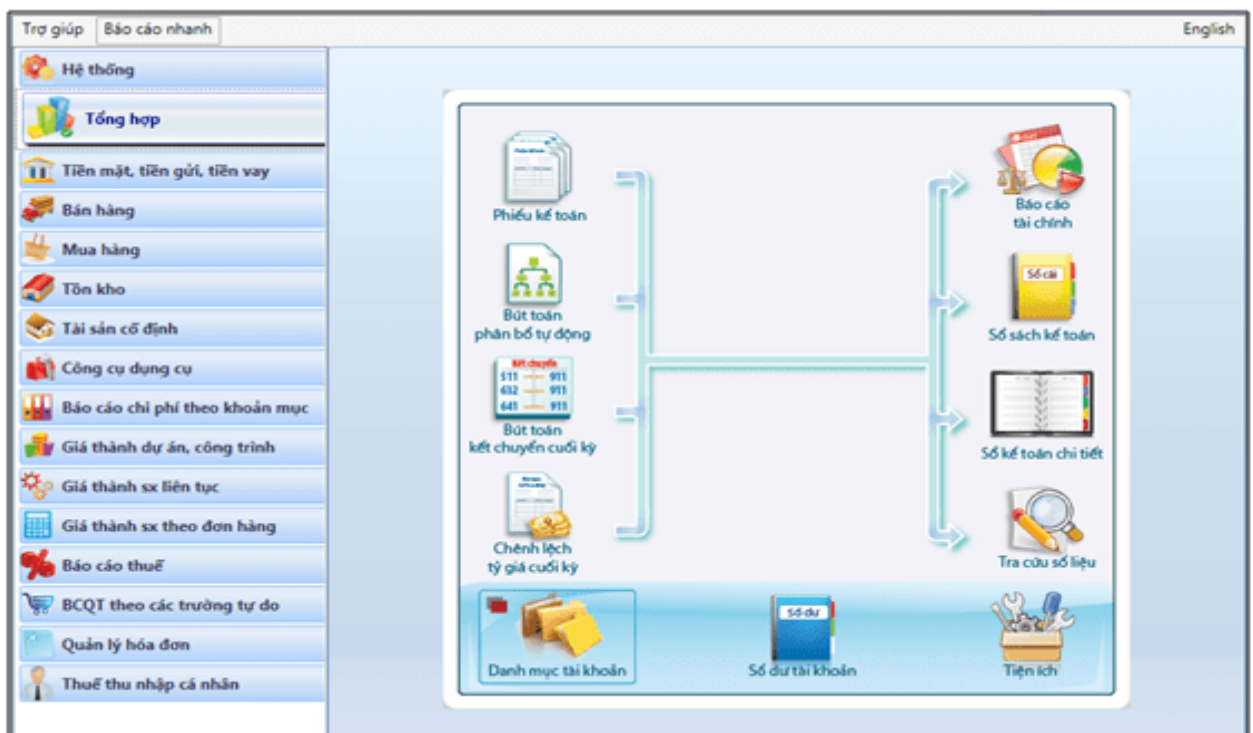
Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán bằng việc sử dụng phần mềm kế toán chuyên nghiệp. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, FAST, SASINNOVA,... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban Giám đốc. Giúp ban Giám đốc có thể đưa ra quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh.

Các phần mềm kế toán đều có chức năng lưu trữ các báo cáo với các mục đích khác nhau, theo dõi công nợ, thanh toán cho nhà cung cấp và quản lý bảng

lượng nhân viên,...giúp cho việc theo dõi, kiểm tra của nhà quản lý được thuận lợi và dễ dàng hơn. Một số giao diện về phần mềm:



Hình 1: Giao diện phần mềm kế toán MISA



Hình 2: Giao diện phần mềm kế toán FAST

3.4.2 Kiến nghị 2: Hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí

Để hoàn thiện hơn hệ thống kế toán công ty nên lập các sổ chi tiết để tiện theo cho các khoản doanh thu và chi phí, đồng thời cũng nắm rõ được tình hình phát sinh, tăng giảm của từng loại doanh thu, chi phí. Từ đó, giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp cụ thể để quản lý và điều hành công ty một cách hiệu quả hơn.

Đề xuất 2 mẫu sổ: Sổ chi tiết bán hàng (biểu 3.1) và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3.2)

Biểu 3.1. Sổ chi tiết bán hàng

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh
 Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bô
 Quảng Ninh

Mẫu số: S35 - DN
 (Ban hành theo TT 200/2014-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản):.....
 Tháng..... Năm.....

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

Ngày... tháng... năm...

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 632 (như biểu số 3.2) tạo điều kiện cho việc theo dõi giá vốn tương ứng của từng mặt hàng đã được mở ở sổ chi tiết bán hàng.

Biểu số 3.2 Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh Khu 6- Thị trấn Trới- Huyện Hoàn Bò Quảng Ninh				Mẫu số: S36 - DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH							
Tài khoản:..... Tên sản phẩm, dịch vụ:.....							
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ tài khoản		
	SH	NT			Tổng tiền	Chia ra	
A	B	C	D	E	
			- Số dư đầu kỳ				
			- Số phát sinh trong kỳ				
			- Cộng số phát sinh trong kỳ				
			- Ghi Có TK...				
			Số dư cuối kỳ				
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)			Ngày... tháng... năm... Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)	

3.4.3 Kiến nghị 3: Về phương pháp phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Dựa vào sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết giá vốn hàng bán và phân bổ chi phí quản lý kinh doanh, kế toán có thể xác định chính xác kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng. Việc phân bổ nên căn cứ theo tiêu thức doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng, như sau:

$$\text{Chi phí kinh doanh cho từng sản phẩm} = \frac{\text{Doanh thu tiêu thụ của từng sản phẩm}}{\text{Tổng doanh thu bán hàng}} \times \text{Tổng chi phí}$$

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp của mặt hàng i được phân bổ theo công thức:

$$\text{Chi phí bán hàng} = \frac{\text{Tổng chi phí bán hàng}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng}} \times \text{Doanh thu thuần của mặt hàng i}$$

$$\text{Chi phí quản lý doanh nghiệp} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng}} \times \text{Doanh thu thuần của mặt hàng i}$$

Việc xác định chính xác kết quả kinh doanh của từng sản phẩm giúp cho công ty xác định được sản phẩm nào kinh doanh hiệu quả, sản phẩm nào kinh doanh không đạt hiệu quả. Khi nhận định được kết quả kinh doanh từng mặt hàng sẽ giúp công ty xem xét giảm bớt mặt hàng có kết quả kinh doanh kém để tập trung kinh doanh mặt hàng đạt kết quả kinh doanh cao nhằm gia tăng thêm lợi nhuận.

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh

3.5.1. Về phía Nhà nước

- Có chính sách hỗ trợ để khuyến khích các doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.
- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp

- Ban lãnh đạo doanh nghiệp cần kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.
- Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ cho công tác kế toán.
- Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phân hành và giữa các phân với nhau trong việc sử dụng chứng từ, luân chuyển chứng từ, cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.
- Doanh nghiệp cần tạo lập mối quan hệ bền vững với khách hàng. Đây là yếu tố quyết định việc bình ổn doanh thu trong doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Qua thời gian thực tập tại doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh em đã vận dụng kiến thức được học ở trường vào thực tế tại doanh nghiệp du lịch tư nhân du lịch Vịnh Xanh.

Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân du lịch Vịnh Xanh như sau:

- Kiến nghị về việc hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Kiến nghị về việc sử dụng phần mềm kế toán.
- Kiến nghị về phương pháp phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Với sự cố gắng của bản thân cùng sự hướng dẫn của Cô Ninh Thị Thùy Trang, và sự chỉ bảo, giúp đỡ nhiệt tình của các chị phòng kế toán – tài chính Doanh nghiệp du lịch tư nhân Vịnh Xanh để em hoàn thành đề tài tốt nghiệp này. Mặc dù đã có cố gắng nhưng do trải nhiệm thực tế và kiến thức chuyên môn còn hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy em mong rằng sẽ nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ từ các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh để đề tài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Cô Ninh Thị Thùy Trang và Phòng kế toán Doanh nghiệp du lịch tư nhân Vịnh Xanh đã giúp đỡ hoàn thành bài khóa luận.

Em xin chân thành cảm ơn !

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Bộ Tài chính (Năm 2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) — Hệ thống tài khoản kế toán, NXB Giao thông vận tải.*
2. *Bộ Tài chính (Năm 2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán, NXB Giao thông vận tải*
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.